



**EVNGENCO1**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN  
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN  
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**





## 01 THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

## 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
- Báo cáo liên quan về tác động của môi trường và xã hội

## 03 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

## 04 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

## 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán



# TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



## Tầm nhìn

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi trở thành doanh nghiệp sản xuất kinh doanh điện đóng vai trò quan trọng trong hệ thống lưới điện quốc gia và khu vực, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống cho nhân dân cho các vùng hạ du.

## Sứ mệnh

Mang lại sự hài lòng cho khách hàng, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty thông qua việc sản xuất điện và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ với chất lượng ngày càng hoàn hảo.

## Giá trị cốt lõi

- Chuyên nghiệp và Chất lượng;
- Tận tâm và Trí tuệ;
- Hợp tác và Chia sẻ;
- Sáng tạo và Hiệu quả.

# 01

## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro







## 01 THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên Công ty:</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐÀ NHÌM - HÀM THUẬN - ĐÀ MI
<b>Tên tiếng Anh:</b>	ĐÀ NHÌM - HÀM THUẬN - ĐÀ MI HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt:</b>	EVNHPCDND
<b>Mã cổ phiếu:</b>	DNH
<b>Vốn điều lệ:</b>	4.224.000.000.000 đồng.
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</b>	4.224.000.000.000 đồng.
<b>Địa chỉ:</b>	Số 80A, Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
<b>Giấy CN ĐKDN:</b>	Số 5800452036, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005, thay đổi lần 10 ngày 07 tháng 7 năm 2022
<b>Điện thoại:</b>	(0263) 3728 171
<b>Fax:</b>	(0263) 3866 457
<b>Email:</b>	trusochinh@dhd.com.vn
<b>Website:</b>	<a href="https://www.dhd.com.vn">https://www.dhd.com.vn</a>



## 02 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

**1964**

Tiền thân Công ty là Nhà máy Thủy điện (NMTĐ) Đa Nhim, đưa vào vận hành với công suất 160 MW.

**2001**

Thông qua Quyết định số 154 EVN/TCCP.ĐT Hội đồng quản trị Tập đoàn Điện lực Việt Nam đổi tên Nhà máy Thủy điện Đa Nhim thành Nhà máy Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi với tổng công suất 642,5MW trên cơ sở sáp nhập cụm thủy điện Đa Nhim - Sông Pha và Hàm Thuận - Đa Mi.

**2005**

Theo Quyết định số 18/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), chuyển NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, đơn vị hạch toán phụ thuộc thành Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, đơn vị hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

**2007**

Thủ tướng Chính phủ quyết định cổ phần hóa Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi theo Quyết định số 384/ QĐ - TTG ngày 03 tháng 4 năm 2007.

**2011**

Ngày 07 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, với số vốn điều lệ là 4.248 tỷ đồng. Trong đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 99,93% vốn điều lệ.

**2014**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 biểu quyết thông qua điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty thành 4.224 tỷ đồng theo Nghị quyết số 46/NQ-TĐĐHĐ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2014.

**2017**

Ngày 20 tháng 3 năm 2017, Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng. Ngày 03 tháng 4 năm 2017, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 72/2017/GCNCPVSD và cấp mã chứng khoán cho CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi là DNH. Ngày 12 tháng 6 năm 2017, SDGCK Hà Nội ra quyết định số 427/QĐSGDHN chấp nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

**2019**

Tháng 6/2019, Công ty hoàn thành đưa vào phát điện dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi công suất 47,5 MWp.

**2021**

Tháng 7/2021, Công ty hoàn thành đường hầm dẫn nước Dự án mở rộng Đa Nhim.  
Tháng 8/2021 Hòa lưới thành công tổ máy H5 Đa Nhim công suất 80MW.

**2023  
đến nay**

Công ty tiếp tục nâng cao năng lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



Năm	Thành tích
1979	Huân chương Độc lập hạng Ba
1985	Huân chương Lao động hạng Hai
1997	Huân chương Lao động hạng Nhất
2000	Bằng khen Bộ Công Thương Huân chương Độc lập hạng Ba Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng
2001	Bằng khen Bộ công Công Thương Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2002	Bằng khen Bộ Y tế Bằng khen Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Thuận Bằng khen Công an tỉnh Bình Thuận
2003	Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận
2004	Huân chương độc Độc lập hạng Ba năm 2004 Cờ thi đua xuất sắc Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Bộ Y tế
2005	Cờ thi đua xuất sắc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen Bộ Y tế Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
2006	Anh hùng Lao động năm 2006 Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận Bằng khen Bộ Công Thương
2007	Bằng khen Bộ Công Thương Cờ thi đua Bộ Công Thương
2008	Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng



CÁC THÀNH TỰU CỦA  
CTCP THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Năm	Thành tích
2009	Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng
2010	Huân chương Độc lập hạng Nhì Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen Bảo hiểm xã hội Việt Nam
2011	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen Bảo hiểm xã hội Việt Nam
2012	Bằng khen Bộ Công Thương
2013	Bằng khen Bộ Công Thương
2014	Huân chương Độc lập hạng Nhì Cờ thi đua UBND tỉnh Lâm Đồng Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
2015	Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận
2016	Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2017	Bằng khen Bộ Công Thương
2018	Cờ thi đua Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2019	Cờ thi đua Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2020	Cờ thi đua UBND tỉnh Lâm Đồng
2021	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
2022	Giấy khen Sở công thương tỉnh Lâm Đồng
2024	Cờ của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

# 03 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
1	3511 (Chính)	Sản xuất điện
2	0311	Khai thác thủy sản biển
3	0312	Khai thác thủy sản nội địa
4	0321	Nuôi trồng thủy sản biển
5	0322	Nuôi trồng thủy sản nội địa
6	1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
7	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
8	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
9	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
10	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
11	6810	Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
12	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết:- Thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận, chỉnh định hiệu chỉnh: Vật tư thiết bị điện, thiết bị môi trường, thiết bị và dụng cụ đo lường, thiết bị và dụng cụ an toàn; Thử nghiệm, kiểm định, tính toán trị số bảo vệ và cài đặt rơ-le; - Thử nghiệm, kiểm định thiết bị và hệ thống tín hiệu (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); - Thử nghiệm hiệu chỉnh, kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện và phụ kiện, cấu kiện thép bê tông.
13	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Kinh doanh, cung ứng vật tư, thiết bị ngành điện.
14	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Kinh doanh điện năng.
15	0210	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp
16	0220	Khai thác gỗ
17	0231	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ
18	8531	Đào tạo sơ cấp
19	7020	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; - Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, dầu khí.
20	2790	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện, dụng cụ điện.
21	3314	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: - Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện; - Sửa chữa thiết bị điện, dụng cụ điện.
22	3512	Truyền tải và phân phối điện
23	4221	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt điện, phong điện, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 500 KV.
24	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi có địa bàn hoạt động trải dài trên ba tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận với:

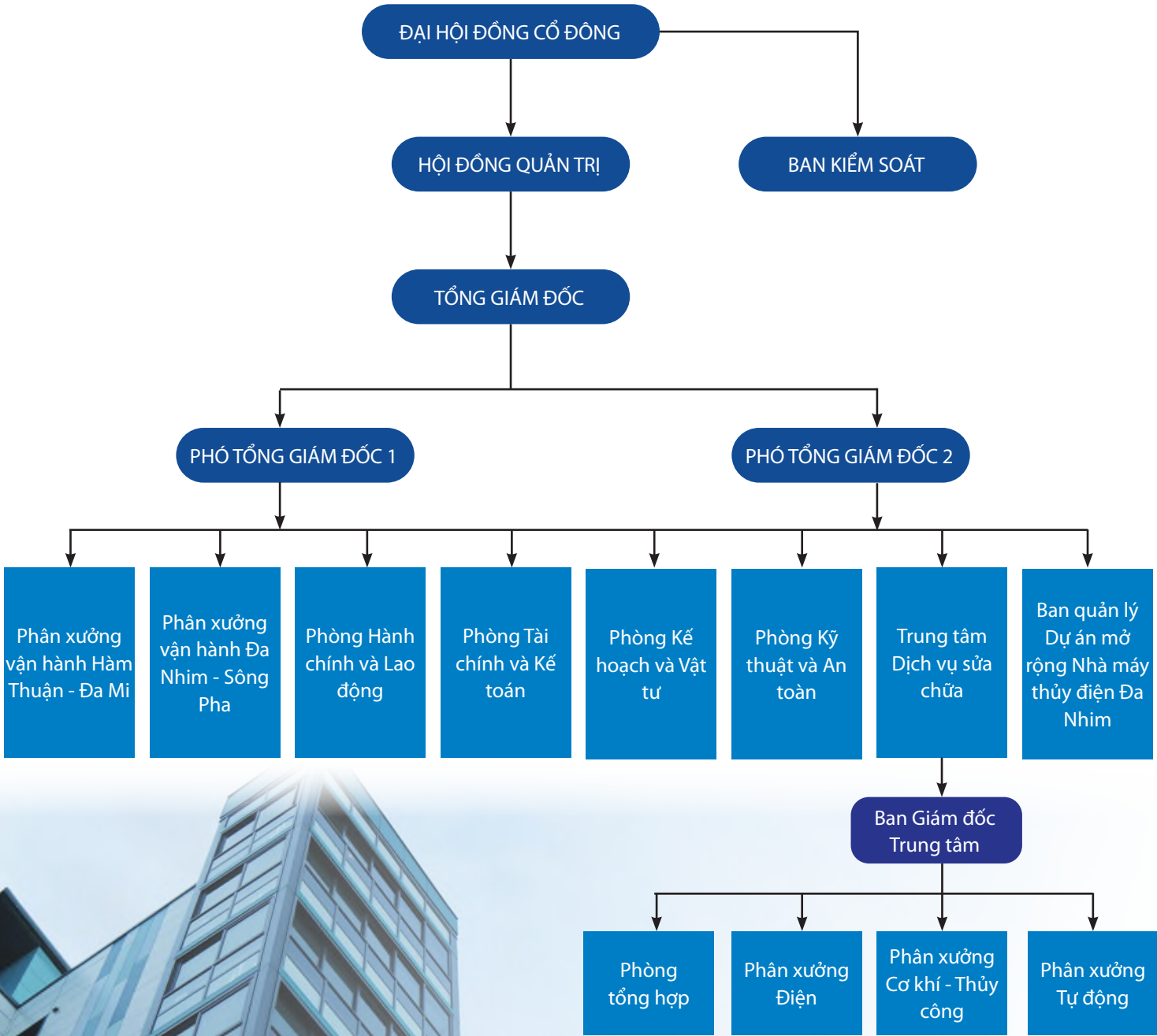
- Hai cụm nhà máy thủy điện Đa Nhim - Sông Pha, Hàm Thuận - Đa Mi
- Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi.



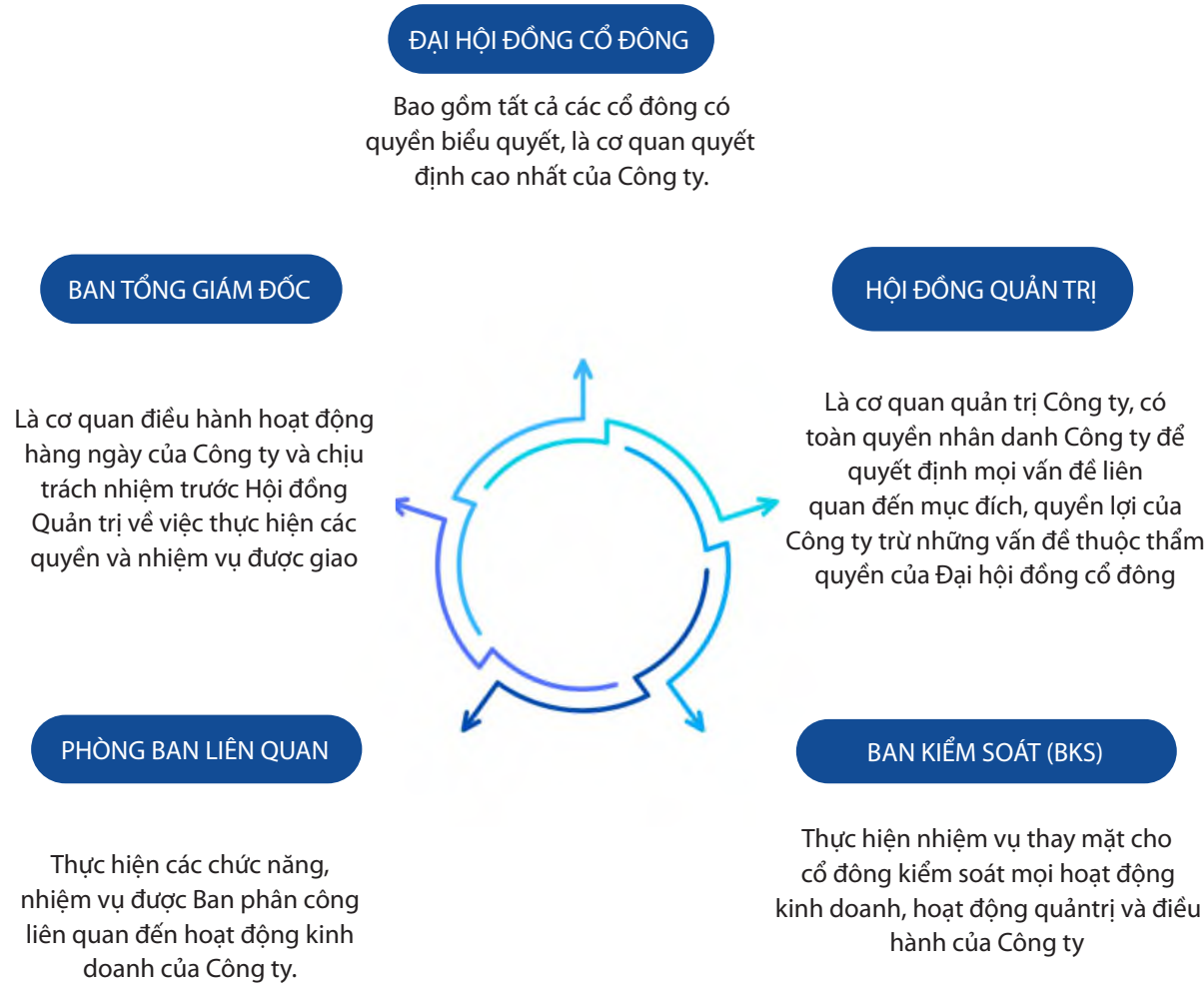


04 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD	Vốn điều lệ	VĐL DNH thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty con					
CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha	Thôn Lâm Bình, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất và kinh doanh điện năng	160 tỷ đồng	112 tỷ đồng	70%
Công ty liên kết					
CTCP Phong điện Thuận Bình	Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh điện năng	500 tỷ đồng	100 tỷ đồng	20%



## 05 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Đảm bảo sự vận hành an toàn, ổn định các nhà máy thủy điện hiện có, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện theo kế hoạch đề ra; Luôn sẵn sàng ứng phó phòng chống lụt bão tại các Nhà máy khi có mưa, lũ;
- Vận hành khai thác tối ưu các hồ chứa và đảm bảo cấp nước hạ du;
- Cung cấp các dịch vụ: Quản lý xây dựng; Thí nghiệm hiệu chỉnh, kiểm dịch an toàn các thiết bị điện; Sửa chữa các thiết bị cơ, điện các nhà máy điện; Đào tạo và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện;
- Tiếp tục áp dụng các dây chuyền công nghệ hiện đại, quản lý kỹ thuật, vận hành an toàn liên tục, ổn định trong cung cấp điện; các tổ máy luôn sẵn sàng huy động theo phương thức;
- Nâng cao năng lực của Công ty trong hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật;
- Quản lý tối ưu chi phí, thực hiện các biện pháp nhằm tăng doanh thu và nâng cao năng suất lao động;
- Tạo môi trường chuyên nghiệp, thân thiện, hiện đại, đảm bảo tính công bằng và minh bạch; xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên giỏi về chuyên môn, phong cách và lễ lối làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, hành vi ứng xử thân thiện, văn minh, lịch sự, mang lại sự hài lòng cho đối tác và khách hàng;
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

### CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Khai thác hiệu quả nguồn nước, vận hành an toàn công trình, thiết bị.
- Phát triển năng lượng về thủy điện, điện mặt trời.
- Nâng cao năng lực của Công ty trong hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật.
- Tiếp tục tạo ứng dụng các thành tựu tiến bộ khoa học kỹ thuật trong dây chuyền công nghệ sản xuất.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Chú trọng đưa văn hóa doanh nghiệp Công ty đi sâu vào các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành, đầu tư xây dựng, quản trị doanh nghiệp để các văn hóa lãnh đạo, văn hóa học tập và đổi mới sáng tạo, văn hóa số, văn hóa kinh doanh, văn hóa an toàn lao động tạo động lực cho sự phát triển toàn diện và bền vững.
- Đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư, khách hàng và cộng đồng.

### CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty thiết lập những mục tiêu về kinh tế, tăng trưởng gắn liền với mục tiêu về môi trường - xã hội trong ngắn hạn và dài hạn. Đây được xem là những nhiệm vụ không thể tách rời để Công ty khẳng định vị thế, nâng cao uy tín, gia tăng ảnh hưởng và góp phần nâng tầm trong ngành điện năng:

- Tiếp tục vận hành và phát triển các công nghệ Xanh, Sạch, Thân thiện với môi trường với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường.
- Tổ chức, khuyến khích và tạo điều kiện cho các hoạt động xã hội tự nguyện của Cán bộ công nhân viên, người lao động.
- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý giám sát chặt chẽ các nguồn chất thải nguy hại và xử lý theo quy định để “bảo vệ môi trường gắn với sự phát triển bền vững”.
- Đảm bảo an toàn trong lao động; không để xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn trong lao động.



## 06 CÁC RỦI RO



### RỦI RO KINH TẾ

Môi trường kinh tế với những yếu tố khách quan như tốc độ tăng trưởng, chỉ số lạm phát, lãi suất... có thể tạo ra những tác động trực tiếp đến sự phát triển của các doanh nghiệp. Với hoạt động kinh doanh chính là đầu tư phát triển nguồn điện, đảm bảo cung cấp kịp thời và đủ sản lượng điện theo nhu cầu của Hệ thống điện quốc gia với chất lượng điện năng và độ ổn định cao, Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi tác động của nền kinh tế vĩ mô. Khi kinh tế tăng trưởng, cùng với chính sách thu hút đầu tư của Việt Nam như hiện nay sẽ kéo theo nhu cầu về điện năng tăng cao, đặc biệt là nhu cầu của các khu công nghiệp. Ngược

lại, trong giai đoạn nền kinh tế suy giảm, quy mô đầu tư giảm, tăng trưởng ở khu vực công nghiệp bị tác động tiêu cực dẫn đến nhu cầu điện năng sụt giảm mạnh. Trước sự phức tạp của tình hình kinh tế, Ban lãnh đạo lên kế hoạch chủ động chuẩn bị các phương án sản xuất kinh doanh và tài chính, cũng như sẵn sàng cung cấp nguồn lực cần thiết để ứng phó với các tình huống khác nhau của nền kinh tế. Đồng thời, Công ty cũng tăng cường quản trị rủi ro để hạn chế việc đưa ra các chiến lược và chính sách không phù hợp, giảm thiểu thiệt hại tối đa cho Công ty.

### RỦI RO LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro khá phổ biến mà các doanh nghiệp cũng như những ngân hàng, tổ chức tài chính phải đối mặt và nó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và tài sản của tổ chức. Chỉ cần biến động nhỏ về lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhằm giảm

thiểu tác động từ rủi ro lãi suất, Công ty thường xuyên chủ động theo dõi tình hình biến động của lãi suất, cân đối tỷ lệ vay nợ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất một cách tốt nhất.

### RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành điện, và có mô hình hoạt động là Công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng Khoán Hà Nội (UPCOM), nên hoạt động của DNH chịu tác động của hệ thống pháp luật Việt Nam và các chính sách liên quan, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Tài nguyên Môi trường,... Các văn bản pháp luật luôn được cập nhật, sửa đổi, hoàn thiện theo thời gian. Những thay đổi này cũng sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến Công ty.

Ban lãnh đạo Công ty chủ động đưa ra các mục tiêu và kế hoạch phù hợp với tình hình hoạt động hiện tại để đảm bảo hoạt động của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các thay đổi về chính sách, văn bản pháp luật. Từ đó, Công ty có thể chủ động và đưa ra các quyết định phù hợp để phát triển kinh doanh và đạt được hiệu quả tốt nhất.

### RỦI RO THỜI TIẾT VÀ THỦY VĂN

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện nên Công ty phải đối mặt với rủi ro lớn liên quan đến thời tiết và khí hậu. Sản lượng điện phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nước và lượng mưa tại địa phương, do đó, biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng đến sản lượng điện sản xuất của các dự án thủy điện. Hạn hán kéo dài và lượng mưa giảm cũng có thể làm giảm lượng nước trong hồ chứa, gây ảnh hưởng tiêu cực đến sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai như lũ quét mưa lớn cũng có thể gây ảnh hưởng đến đường sá và các công trình đập trong nhà máy. Do đó, Công ty luôn cập nhật tình hình khí hậu, diễn biến thời tiết - thủy văn kịp thời và sẵn sàng ứng phó với các tình huống bất lợi, chuẩn bị các phương án phòng chống bão lụt, đảm bảo an toàn hồ đập và công trình thủy điện.

Công ty đã chủ động làm việc với địa phương để thống nhất kế hoạch điều tiết cấp nước cho hạ du phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong giai đoạn mùa khô trên tinh thần đảm bảo hài hòa giữa hai mục tiêu phát điện và đảm bảo cấp nước. Sản lượng thủy điện trong các năm tiếp theo có khả năng sẽ không duy trì mức cao, đứng trước những khó khăn sắp tới, Ban điều hành lên kế hoạch để đảm bảo các chỉ kế hoạch sản xuất điện mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, cung cấp điện an toàn, từ đó góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

### RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

An toàn lao động là một yếu tố vô cùng quan trọng trong quá trình vận hành nhà máy thủy điện. Tại các nhà máy thủy điện, các nhân viên thường phải làm việc với các thiết bị điện, máy móc nặng và các vật liệu nguy hiểm, đặc biệt là trong quá trình bảo trì hệ thống thủy điện. Nếu không đảm bảo đầy đủ biện pháp an toàn và kỹ năng cần thiết, các tai nạn có thể xảy ra và gây nguy hiểm cho sức khỏe và tính mạng của người lao động. Do đó, Công ty đã áp dụng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể và các phương tiện bảo vệ cá nhân để giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện xây dựng và tuân thủ các quy trình, tài liệu kỹ thuật và đào tạo cho nhân viên, đảm bảo rằng họ có đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để làm việc một cách an toàn. Đồng thời, Công ty cũng áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức giám sát an toàn trước, trong và sau quá trình vận hành nhà máy thủy điện, nhằm đảm bảo an toàn cho nhân viên và tài sản của Công ty.

### RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro trên, Công ty có thể đối mặt với nhiều rủi ro không thể dự báo trước trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm dịch bệnh, thiên tai, cháy nổ, và các vấn đề về môi trường,... Những rủi ro này có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của toàn Công ty nếu xảy ra.

Vì vậy, để đối phó với những tình huống khẩn cấp này, Công ty đã xây dựng các phương án cụ thể, thành lập các đội ứng phó khẩn cấp, và tổ chức các bài tập huấn luyện để chuẩn bị cho những trường hợp khẩn cấp.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
- Báo cáo liên quan về tác động môi trường và xã hội của Công ty



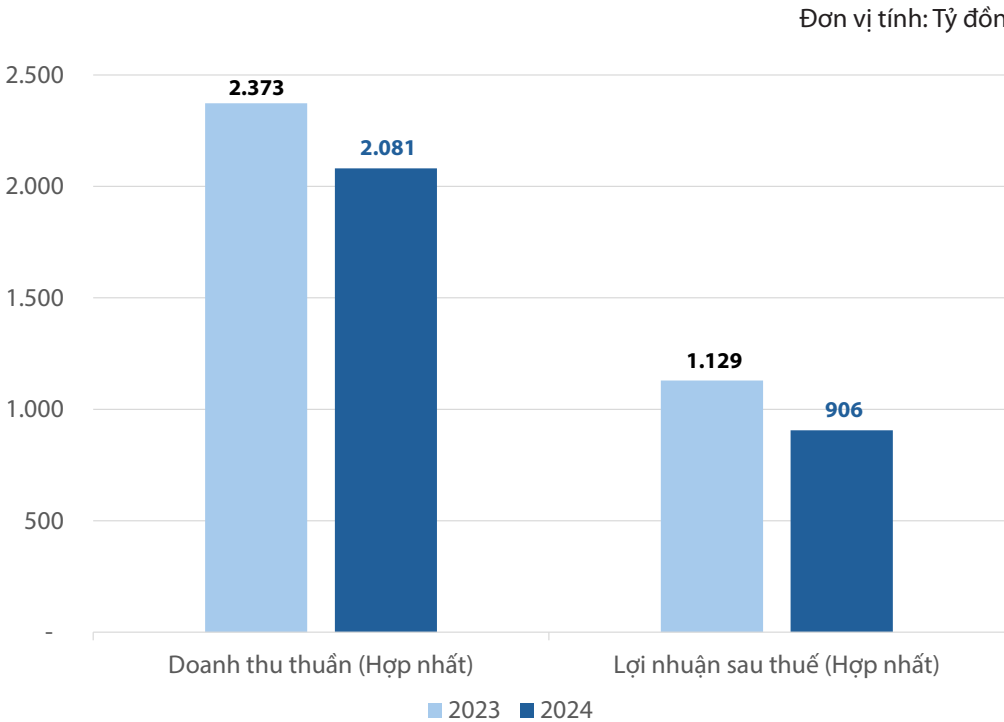


# 01 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	TH năm 2023	TH năm 2024	% TH2024 / TH2023
1	Doanh thu thuần	2.373	2.081	87,69%
	- Doanh thu bán điện	2.370	2.078	87,68%
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3	3	100%
2	Sản lượng điện sản xuất (triệu kWh)	3.099,98	2.745,52	88,57%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	1.389	1.104	79,48%
4	Lợi nhuận khác	0,002	1,28	640%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.389	1.105	79,55%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.129	906	80,25%



## CƠ CẤU CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	TH năm 2023	TH năm 2024	% TH2024 / TH2023
1	Chi phí nguyên, nhiên vật liệu trong chi phí sản xuất	28,23	36,11	127,90%
2	Chi phí nhân công	137,17	121,18	88,34%
3	Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	3,11	2,36	76,02%
4	Chi phí khấu hao tài sản cố định	377,15	386,95	102,60%
5	Thuế, phí và lệ phí khác	440,01	409,84	93,14%
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài	65,77	36,65	55,73%
7	Chi phí khác bằng tiền	42,05	45,57	108,38%
Tổng cộng		1.093,49	1.038,66	94,99%





02 TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	Cá nhân: 0 CP Đại diện: 147.736.085 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 34,97%
2	Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	Cá nhân: 7.100 CP Đại diện: 84.420.620 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 19,99%
3	Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng giám đốc	Cá nhân: 1.000 CP Đại diện: 0 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 0%
4	Bà Phạm Thị Hồng Hà	Kế toán trưởng	Cá nhân: 2.000 CP Đại diện: 0 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 0%

(\*) SLCP sở hữu theo DSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ông Đặng Văn Cường - Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hoá và cung cấp điện

Quá trình công tác:

- + Từ 09/1992 đến 03/1996: Kỹ sư Tổ Thí nghiệm điện, Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- + Từ 04/1996 đến 09/1997: Trưởng ca tập sự, Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- + Từ 09/1997 đến 11/1999: Trưởng ca Vận hành, Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- + Từ 12/1999 đến 06/2001: Kỹ sư, Ban Chuẩn bị sản xuất Nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 07/2001 đến 12/2002: Phó Quản đốc PXSC2, Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 12/2002 đến 08/2007: Quản đốc PXSC2, Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 08/2007 đến 09/2007: Phó Trưởng Ban Chuẩn bị sản xuất, Nhà máy thủy điện Đại Ninh.
- + Từ 09/2007 đến 07/2022: Phó Giám đốc, Công ty thủy điện Đại Ninh.
- + Từ 02/2022 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 07/2022 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Số cổ phiếu nắm giữ:

- + Cá nhân sở hữu: 0 CP, tỷ lệ: 0%
- + Đại diện Tổng công ty Phát điện 1 sở hữu: 147.736.085 CP, tỷ lệ: 34,97%

Ông Đỗ Minh Lộc - Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Điện

Quá trình công tác:

- + Từ 8/1998 đến 6/2001: Kỹ sư điện, Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- + Từ 7/2001 đến 12/2002: Phó Quản đốc PX Vận hành 2 - NM thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 01/2003 đến 4/2008: Quản đốc PX Vận hành 2 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 5/2008 đến 12/2011: Quản đốc Phân xưởng Sản xuất Đa Nhim - Sông Pha - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 01/2012 đến 5/2017: Phó Tổng Giám đốc - CTCP Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 6/2017 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Số cổ phiếu nắm giữ:

- + Cá nhân sở hữu: 7.100 CP, tỷ lệ: 0%
- + Đại diện Tổng công ty Phát điện 1 sở hữu: 84.420.620 CP, tỷ lệ: 19,99%



Ông Nguyễn Đình Chiến -Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Năng lượng nước

Quá trình công tác:

- + Từ 11/1997 đến 8/2005: Kỹ sư điện Phân xưởng Sửa chữa 2 - NM thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận- Đa Mi.
- + Từ 9/2005 đến 6/2007: Học Thạc sĩ tại Học viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan.
- + Từ 7/2007 đến 5/2008: Phó Quản đốc PX sửa chữa 2 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 5/2008 đến 3/2010: Phó phòng Dự án - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 3/2010 đến 01/2011: Trưởng phòng Tư vấn và Thiết kế - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 01/2011 đến 12/2011: Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 01/2012 đến 12/2017: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 01/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Số cổ phiếu nắm giữ:

- + Cá nhân sở hữu: 1.000 CP, tỷ lệ: 0%
- + Đại diện sở hữu: 0 CP, tỷ lệ: 0%

Bà Phạm Thị Hồng Hà - Kế toán trưởng

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- + Từ 8/1999 đến 02/2004: Nhân viên phòng Tài chính kế toán - Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- + Từ 3/2004 đến 8/2005: Phó phòng Tài chính kế toán - Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 9/2005 đến 10/2006: Trưởng phòng Tài chính kế toán - NM thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 11/2006 đến 9/2011: Kế toán trưởng - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 10/2011 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi..

Số cổ phiếu nắm giữ:

- + Cá nhân sở hữu: 2.000 CP, tỷ lệ: 0%
- + Đại diện sở hữu: 0 CP, tỷ lệ: 0%

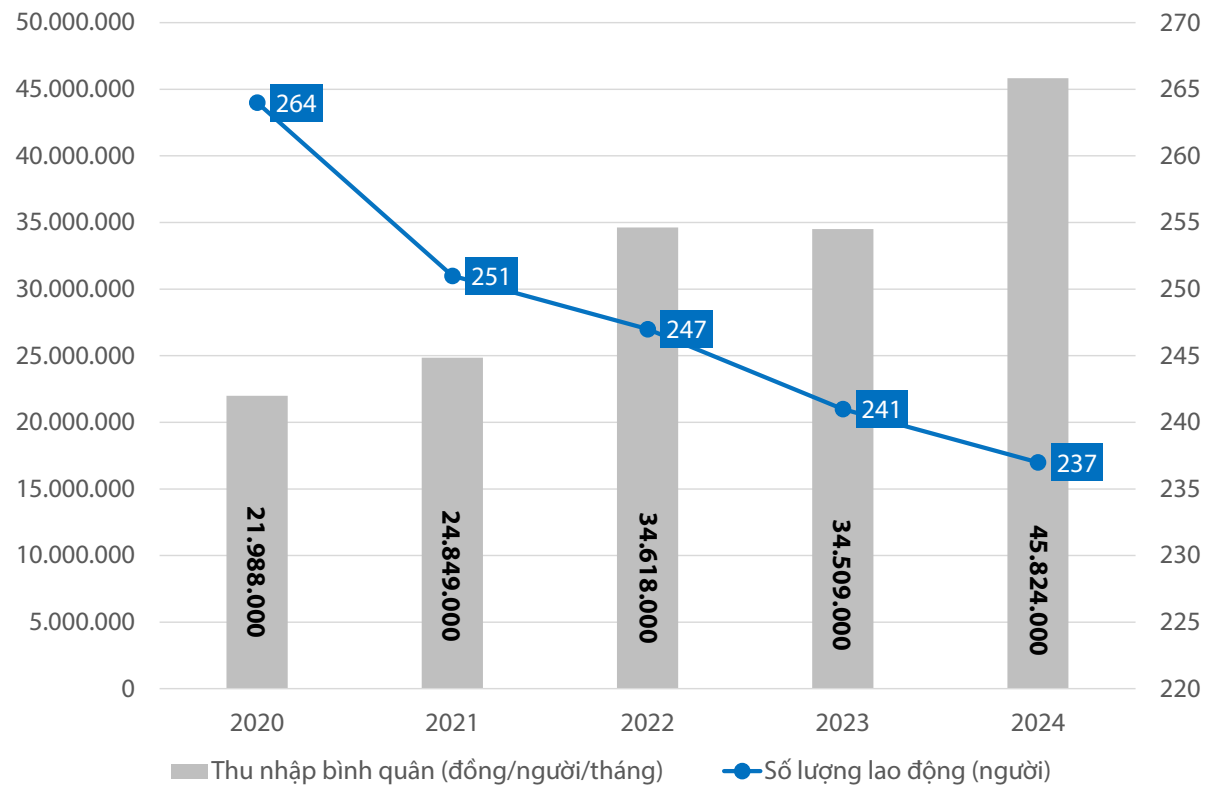
NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2024

Không có.



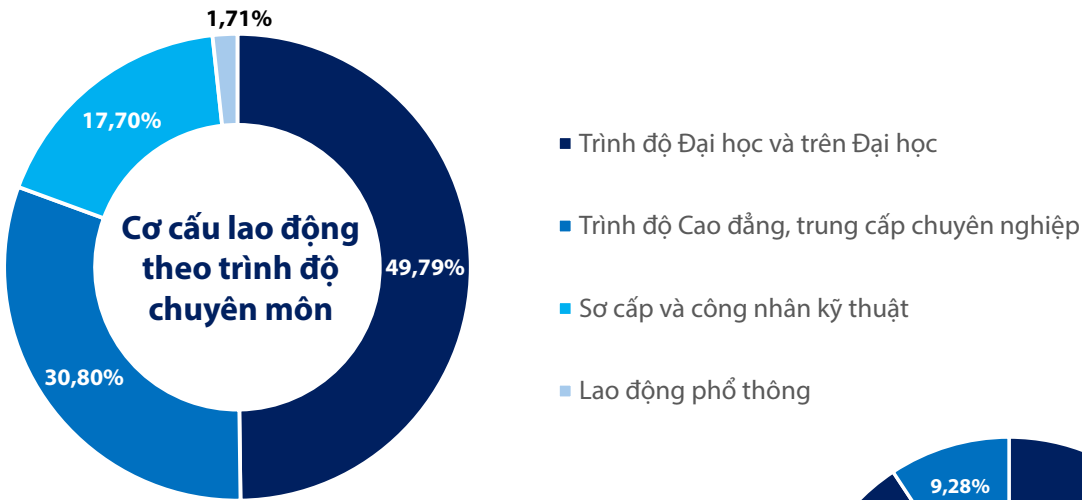
THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	264	251	247	241	237
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	21.988.000	24.849.000	34.618.000	34.509.000	45.824.000

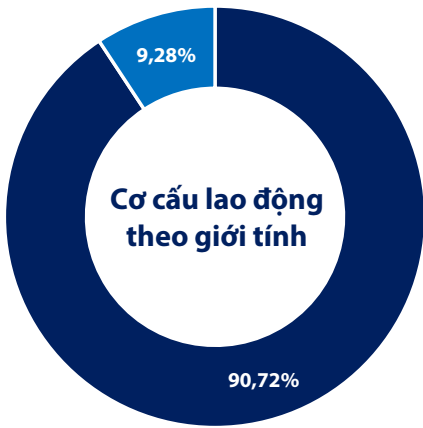


SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Năm 2023		Năm 2024	
		Số người	Tỷ trọng	Số người	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	241	100%	237	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	112	46,47%	118	49,79%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	82	34,03%	73	30,80%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	43	17,84%	42	17,70%
4	Lao động phổ thông	4	1,66%	4	1,71%
II	Theo giới tính	241	100%	237	100%
1	Nam	219	90,87%	215	90,72%
2	Nữ	22	9,13%	22	9,28%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	241	100%	237	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0%	0	0%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	24	9,96%	1	0,04%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	217	90,94%	236	99,96%



- Nam
- Nữ



- Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm
- Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm
- Hợp đồng không xác định thời hạn





## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

### VỀ TUYỂN DỤNG

Người lao động là tài sản quý giá nhất, nên nguồn nhân lực là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với bất kỳ doanh nghiệp nào. Nhận thức được vấn đề này, CTPC Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi xác định mục tiêu tuyển dụng là thu hút nhân tài, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, năng lực, đáp ứng được yêu cầu công việc.

### VỀ ĐÀO TẠO

Công ty luôn đặt mục tiêu phát triển liên mạch và bền vững, do đó, Công ty chú trọng đầu tư vào việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực thông qua nhiều chính sách chất lượng. Một trong những chính sách quan trọng của Công ty là đào tạo đội ngũ kỹ sư và công nhân lành nghề, bởi họ là nhân tố quan trọng nhất trong việc đảm bảo sự tồn tại và phát triển của Công ty. Công ty không chỉ đầu tư vào khóa học chuyên môn, mà còn vào các khóa đào tạo kỹ năng thực hiện công việc. Điều này giúp cho nhân viên có thể đáp ứng được yêu cầu công việc của mình và đóng góp cho sự phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các nhà máy thủy điện có quy mô tương tự để tích lũy kinh nghiệm và nâng cao chuyên môn làm việc. Việc này giúp cán bộ kỹ thuật của Công ty có thể đối phó với những tình huống phức tạp và đưa ra các giải pháp tối ưu cho Công ty. Thông qua các cơ chế đào tạo, Công ty đã khuyến khích người lao động học tập, nâng cao trình độ, phát huy năng lực, khả năng của bản thân, đồng thời, nâng cao trách nhiệm với Công ty sau khi được đào tạo.



## VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

- Nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của một môi trường làm việc an toàn, văn minh và thuận tiện cho nhân viên. Do đó, Công ty luôn tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để nhân viên được đảm bảo làm việc trong một môi trường tiện nghi, vệ sinh và an toàn lao động. Công ty đặt sự chú trọng vào việc cung cấp nền tảng cơ sở vật chất tốt nhất để người lao động làm việc chất lượng và an toàn;
- Công ty trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ, hợp lý, đảm bảo chất lượng. Công tác quản lý và thực hiện An toàn Lao động đã được Công ty thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy định;
- Công ty cũng thường xuyên kiểm định đúng thời hạn quy định đối với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong quá trình sử dụng. Việc này đảm bảo rằng các thiết bị được sử dụng an toàn và đúng cách, tránh gây nguy hiểm cho nhân viên;
- Để đối phó với các tình huống khẩn cấp liên quan đến cháy nổ, Công ty tổ chức diễn tập Phòng Cháy Chữa Cháy (PCCC) để đào tạo nhân viên về cách ứng phó trong trường hợp khẩn cấp. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên kiểm tra công tác an toàn lao động tại các nhà máy để đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ các quy định về An toàn lao động. Những nỗ lực này của Công ty nhằm đảm bảo một môi trường làm việc an toàn, thuận tiện, giúp cho nhân viên làm việc hiệu quả và đạt được mục tiêu Công ty.

## VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI VÀ ĐÃI NGỘ

- Công ty luôn quan tâm và đặt lợi ích của nhân viên lên hàng đầu, bởi vì Công ty tin rằng, khi nhân viên cảm thấy được đối xử công bằng và được đảm bảo quyền lợi, họ sẽ có động lực làm việc tốt hơn, gắn bó với công ty lâu dài hơn và mang lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn. Vì vậy, Công ty luôn cố gắng hoàn thiện chính sách đãi ngộ nhân viên, không chỉ đảm bảo các chế độ lương và thưởng theo quy định của pháp luật, mà còn đảm bảo các quyền lợi về vật chất và tinh thần cho nhân viên;
- Ngoài việc cung cấp lương và thưởng đầy đủ, Công ty còn có các chính sách phúc lợi như tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn 24/24, cùng với đó là các hoạt động chăm sóc sức khỏe như khám sức khỏe định kỳ hàng năm và trang bị đồng phục và đồ bảo hộ an toàn lao động. Tất cả những điều này giúp nhân viên yên tâm, an tâm với công việc của mình và tập trung vào nhiệm vụ của Công ty;
- Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện cho nhân viên nghỉ ngơi và giảm áp lực bằng việc thiết lập thời gian nghỉ ngơi phù hợp và cải thiện môi trường làm việc. Công ty cũng quan tâm đến đời sống của nhân viên ngoài công việc bằng cách tham gia các hoạt động xã hội như giúp đỡ nhân viên và các học sinh trên địa bàn có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt và đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo. Tất cả những chính sách đãi ngộ nhân viên này giúp Công ty gắn bó với nhân viên và tạo ra một môi trường làm việc tốt, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



03 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Không có

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con: Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

Đơn vị tính: Tỷ đồng

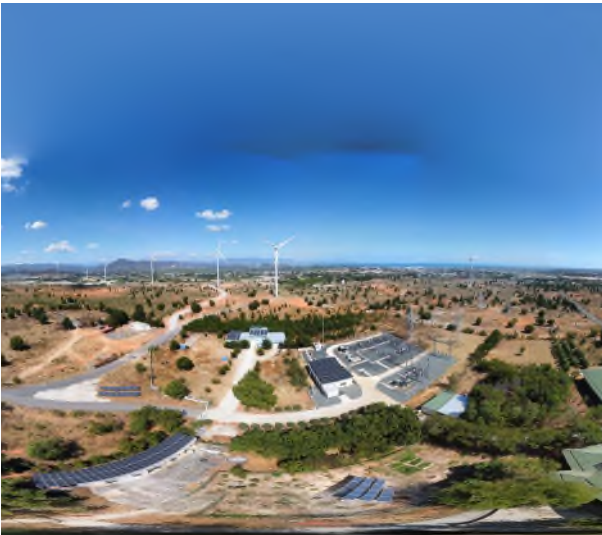
STT	Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2024	% 2024/2023
1	Tổng tài sản	405,72	381,42	94%
2	Doanh thu thuần	85,83	73,79	86%
3	Giá vốn hàng bán	39,81	41,58	104%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	0,005	0,008	160%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	24,67	19,84	80%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21,36	12,38	58%
7	Lợi nhuận khác	(0,012)	0	0%
8	Lợi nhuận trước thuế	21,35	12,38	58%
9	Lợi nhuận sau thuế	20,08	11,71	58%



Công ty liên kết: Công ty cổ phần Phong Điện Thuận Bình

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2024	% 2024/2023
1	Tổng tài sản	2.071,83	1.931,8	93%
2	Doanh thu thuần	448,04	436,89	98%
3	Giá vốn hàng bán	165,35	167,53	101%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	3,62	7,85	217%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	180,14	98,58	55%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	106,17	178,63	168%
7	Lợi nhuận khác	0,022	(25,6)	(1.164%)
8	Lợi nhuận trước thuế	106,19	153,03	144%
9	Lợi nhuận sau thuế	102,74	149,15	145%





# 04 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	TH 2023	TH 2024	% Tăng giảm
1	Tổng tài sản	8.019	7.478	(6,75%)
2	Doanh thu thuần	2.373	2.081	(12,31%)
3	Lợi nhuận từ HĐKD	1.389	1.104	(20,52%)
4	Lợi nhuận khác	0,002	1,28	639%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.389	1.105	(20,45%)
6	Lợi nhuận sau thuế	1.123	906	(19,32%)

Nhìn chung, hiệu quả hoạt động kinh doanh năm 2024 giảm sút so với năm 2023. Cụ thể, tổng tài sản giảm 6,75%, cho thấy công ty có thể đã thu hẹp quy mô hoặc tái cơ cấu tài sản. Doanh thu thuần giảm 12,31% chủ yếu do giá bán điện bình quân giảm, dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm mạnh 20,52%. Dù lợi nhuận khác tăng đột biến 639%, nhưng chỉ mang tính chất bất thường và không đủ bù đắp mức sụt giảm chung. Kết quả là lợi nhuận trước thuế và sau

thuế lần lượt giảm 20,45% và 19,32%, cho thấy sức ép lớn lên khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Những số liệu này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với công ty trong việc rà soát lại chiến lược kinh doanh, tối ưu hóa chi phí và tìm kiếm các động lực tăng trưởng mới nhằm cải thiện kết quả trong các năm tiếp theo.

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	TH 2024
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,56	2,63
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,54	2,61
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,34	0,30
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,52	0,42
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	26,47	38,29
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,29	0,27
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (ROS)	%	47,59	43,56
Hệ số LNST/VCSH bình quân (ROE)	%	19,18	17,18
Hệ số LSNT/TTS bình quân (ROA)	%	13,58	11,70
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	58,55	53,04

## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty trong hai năm 2023 và 2024 cho thấy xu hướng cải thiện rõ rệt về năng lực thanh toán ngắn hạn. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,56 lần lên 2,63 lần, trong khi hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 1,54 lần lên 2,61 lần. Điều này cho thấy công ty đã tăng cường khả năng chi trả các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản lưu động, trong đó phần lớn tài sản lưu động là các khoản có tính thanh khoản cao như tiền, tương đương tiền và các khoản phải thu. Việc hệ số thanh toán nhanh gần như tương đương hệ số thanh toán ngắn hạn cũng phản ánh rằng tỷ trọng hàng tồn kho trong tài sản ngắn hạn là rất thấp, hoặc gần như không có, cho thấy khả năng chuyển đổi tài sản lưu động thành tiền mặt của công ty là rất tốt.

## CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì chính sách tài chính thận trọng khi hệ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 0,34 xuống 0,30, đồng thời hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 0,52 xuống 0,42. Điều này cho thấy tỷ trọng nguồn vốn đi vay giảm, và công ty đang gia tăng sự phụ thuộc vào nguồn vốn chủ sở hữu, góp phần nâng cao mức độ an toàn tài chính. Việc giảm đòn bẩy tài chính cũng giúp giảm rủi ro thanh toán trong tương lai, nhất là trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

## CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Là một doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất điện, do vậy số dư hàng tồn kho các năm của Công ty là rất ít, điều này dẫn tới việc chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho của Công ty hằng năm không thể hiện được quá nhiều ý nghĩa. Một mặt khác, hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân trong năm 2024 của Công ty ghi nhận mức sụt giảm nhẹ, đạt mức 6,89% cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản dù có đôi chút sụt giảm.

## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2024, mặc dù một số chỉ tiêu sinh lời của Công ty DNH giảm nhẹ so với năm trước, nhưng nhìn chung vẫn duy trì ở mức cao. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần đạt 43,56%, ROE đạt 17,18% và ROA đạt 11,70%, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn và tài sản vẫn tích cực. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần giữ ở mức 53,04%, cho thấy công ty vẫn duy trì tốt hiệu quả từ hoạt động cốt lõi. Với nền tảng này, DNH có tiềm năng cải thiện hơn nữa khả năng sinh lời trong thời gian tới.





# 05 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

## CỔ PHẦN

Thông tin cổ phần của công ty tại ngày 31/12/2024:

### TỔNG SỐ CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	:	422.400.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	422.400.000 cổ phiếu
Loại cổ phần	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phiếu

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	117	100%
1	Cổ đông trong nước	422.397.200	114	99,99%
	- Tổ chức	422.103.100	1	99,93%
	- Cá nhân	294.100	113	0,06%
2	Cổ đông nước ngoài	2.800	3	0,01%
	- Tổ chức	0	0	0%
	- Cá nhân	2.800	3	0,01%
II	Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
@	Tổng cộng	422.400.000	117	100%

## CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Phát điện 1	22 Dương Đình Nghệ, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	422.103.100	99,93%

## TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

0%



## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

## CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Kể từ khi thành lập đến nay, CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi không thực hiện tăng vốn điều lệ.



## 06 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

- a) Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.  
b) Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có.

### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ TIÊU THỤ NƯỚC

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất  
Do đặc thù Công ty là đơn vị sản xuất thủy điện, do đó nguồn nguyên liệu chính để sản xuất là nguồn nước. Sau khi được sử dụng để phát điện, nguồn nước được trả về lại với tự nhiên. Trong năm 2024, lượng nước tiêu thụ để sản xuất điện năng của Công ty như sau:  
- Hồ Đa Nhim: 647,73 triệu m<sup>3</sup>.  
- Hồ Hàm Thuận: 1.401,39 triệu m<sup>3</sup>.  
- Hồ Đa Mi: 1.486,93 triệu m<sup>3</sup>  
b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có



### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:  
Năng lượng tiêu thụ trực tiếp:  
- Nhà máy thủy điện Đa Nhim: 2,337 triệu kWh.  
- Nhà máy thủy điện Sông Pha: 0,156 triệu kWh.  
- Nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng: 0,263 triệu kWh.  
- Nhà máy thủy điện Hàm Thuận: 2,431 triệu kWh.  
- Nhà máy thủy điện Đa Mi: 1,544 triệu kWh.  
- Nhà máy điện mặt trời Đa Mi: 0,208 triệu kWh.  
Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: Không có.  
b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có  
c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có



### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường  
Công ty ý thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, Công ty luôn chấp hành đúng, đủ các quy định về bảo vệ môi trường (Nộp thuế môi trường rừng, thuế tài nguyên nước, thực hiện đúng các quy định về an toàn đập, quy trình vận hành hồ chứa, an toàn cháy nổ...), cũng như đảm bảo môi trường sản xuất an toàn, xanh sạch. Trong năm 2024, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Hoàn thiện Giấy phép môi trường do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp đối với cơ sở: Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Sông Pha và Đa Nhim mở rộng; cơ sở: Nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi  
b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.



## 06 BÁO CÁO LIÊN QUAN VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm	2021	2022	2023	2024
Tổng số lượng người lao động tại thời điểm cuối năm (người)	251	247	241	237
Thu nhập bình quân trong năm (đồng/người/tháng)	24.849.000	34.618.000	34.509.000	45.824.000

### CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xây dựng chế độ tiền lương, chính sách chăm sóc sức khỏe cho nhân viên. Đặt ra các chế độ thưởng, phạt theo năng lực và thành tích nhằm tạo động lực cho nhân viên phát huy hết khả năng mà họ đang có. Đơn vị Công ty luôn cố gắng hoàn thiện các chính sách dành cho nhân viên, tạo điều kiện cho người lao động nâng cao chất lượng cuộc sống. Ngoài ra, Công ty còn lập ra các chính sách an sinh xã hội dành cho người lao động bao gồm: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm hưu trí, Bảo hiểm y tế... cùng với đó là xây dựng văn hóa làm việc chuyên nghiệp, dân chủ, tôn trọng hướng tới người lao động.

Năm 2024, Công ty thực hiện đầy đủ công tác về an toàn vệ sinh lao động. Công ty cung cấp đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho người lao động; tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; cử nhân sự tham gia huấn luyện phòng cháy chữa cháy; Công ty cũng tiến hành diễn tập phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra; trang bị bảo hiểm và kiểm định xe, máy móc thiết bị đầy đủ theo quy định với mục đích nâng cao tinh thần và trách nhiệm cho CBCNV nhằm bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe con người, vật tư, thiết bị và tài sản của Công ty.

### HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2024, các khóa đào tạo đã cơ bản được thực hiện theo kế hoạch đề ra.

- Triển khai khóa đào tạo E-learning: trong năm 2024, tổng số lượt học đạt 3117 lượt/237 CBCNV (đạt 131% kế hoạch năm);

- Thực hiện triển khai kế hoạch bồi dưỡng ngắn hạn, định kỳ, đào tạo nội bộ; tham gia các khóa đào tạo tập huấn do EVN, EVNGENCO1 và Công ty tổ chức, một số khóa đào tạo tiêu biểu:

- Đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý: Tổ chức đào tạo trung cấp lý luận chính trị cho 02 cán bộ diện quy hoạch từ tháng 3/2024; Tham gia đào tạo quản lý cấp 3 do EVNGENCO1 tổ chức tại Hà Nội từ ngày 19-29/8/2024 (01 CBCNV tham gia); Tham gia đào tạo quản lý cấp 4 do EVNGENCO1 tổ chức tại Công ty Nhiệt điện Duyên Hải từ ngày 15-27/7/2024 (12 CBCNV tham gia);
- Tham gia lớp đào tạo triển khai Module thẩm tra/thẩm định điện tử trên phần mềm IMIS do Tổng

công ty Phát điện 1 (EVNGENCO1) tổ chức qua zoom ngày 11 tháng 4 năm 2024 cho 13 CBCNV;

- Tổ chức huấn luyện, diễn tập các phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) cho Đội PCCC và CNCH cơ sở, chuyên ngành và Cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2024 cho 55 CBCNV;
- Tham dự Hội thảo đào tạo “Mô hình trưởng thành năng lực an ninh mạng toàn diện (C2M2)” trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ 12-16/8/2024 (01 CBCNV tham gia);
- Tổ chức huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024: khu vực Đa Nhim - Sông Pha năm 2024 ngày 14 tháng 06 năm 2024 với 32 CBCNV tham gia diễn tập; khu vực Hàm Thuận - Đa Mi ngày 06 tháng 6 năm 2024 với 34 CBCNV tham gia.

### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Phát huy tinh thần tương thân tương ái, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn tích cực hưởng ứng và đóng góp vào các hoạt động thiện nguyện, quý vì người nghèo, đền ơn đáp nghĩa, phòng chống thiên tai và hỗ trợ cộng đồng tại địa phương.

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện tốt công tác quan hệ cộng đồng với tổng kinh phí thực hiện là 3.420.000.000 đồng. Các hoạt động hỗ trợ tập trung vào các lĩnh vực cụ thể như sau:

- Hỗ trợ an ninh – quốc phòng: Công ty đã hỗ trợ kinh phí cho Công an tỉnh Bình Thuận, Công an thành phố Bảo Lộc và các đơn vị chức năng thực hiện các hoạt động tuần tra, kiểm soát an ninh trật tự trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024; tổ chức hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống lực lượng Cảnh sát cơ động; kỷ niệm 71 năm ngày thành lập lực lượng An ninh kinh tế; và hỗ trợ thanh niên lên đường nhập ngũ tại tỉnh Bình Thuận.
- Hoạt động chăm lo Tết và hỗ trợ nhân đạo: Công ty đã phối hợp cùng các địa phương tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa như: tặng quà Tết cho hộ nghèo tại các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Lâm Đồng; hỗ trợ các chương trình “Tết xum vầy – Xuân chia sẻ” và “Tết nhân ái” cho người có hoàn cảnh khó khăn; thăm hỏi, tặng quà các gia đình thương binh, liệt sĩ và nạn nhân chất độc da cam.
- Tài trợ giáo dục và khuyến học: Công ty đã tài trợ thiết bị phục vụ công tác dạy và học cho Trường mẫu giáo Đa Mi và Trường vùng cao Đông Tiến (tỉnh Bình Thuận); xây dựng nhà vệ sinh cho Trường Tiểu học Ka Đơn và Trường THCS Pró (huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng); hỗ trợ chương trình “Em nuôi của Đoàn” và quỹ khuyến học huyện Ninh Sơn (tỉnh Ninh Thuận).
- Hỗ trợ nhà ở và công tác giảm nghèo: Công ty đã tài trợ xây dựng nhà Đại đoàn kết cho các hộ nghèo tại xã La Ngàu (huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận) và huyện Ninh Sơn (tỉnh Ninh Thuận); đồng thời hỗ trợ kinh phí cho công tác giảm nghèo trên địa bàn phường Lộc Sơn.
- Hỗ trợ hoạt động văn hóa – xã hội địa phương: Các hoạt động tiêu biểu bao gồm: tài trợ bắn pháo hoa chào mừng Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 tại thành phố Bảo Lộc; hỗ trợ tổ chức đêm văn nghệ thiện nguyện chào mừng ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; tài trợ cho Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Ninh Sơn lần thứ X; đại hội thành lập Hội cựu Công an huyện Ninh Sơn; hỗ trợ kinh phí sửa chữa hệ thống camera giám sát an ninh tại thị trấn D’ran (tỉnh Lâm Đồng); và ủng hộ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập xã Đông Tiến (tỉnh Bình Thuận).

Thông qua các hoạt động trên, Công ty tiếp tục khẳng định vai trò là một doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội, luôn đồng hành cùng sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động.

### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, DNH rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty





# 01 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	Nội dung	ĐVT	KH 2024	TH 2024	% TH/KH
1	Sản lượng điện				
	SLĐ sản xuất	Tr.kWh	3.111	2.745,52	88,27%
	SLĐ thương phẩm	Tr.kWh	3.086	2.728,08	88,40%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.979.035	2.223.331	112,34%
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.282.267	1.118.477	87,23%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	696.768	1.104.854	158,57%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	560.272	906.273	161,76%

Nhìn chung, tình hình thủy văn trong năm 2024 khá thuận lợi ảnh hưởng tích cực đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đều đạt cao so với kế hoạch.

### Thuận lợi

- Trong năm 2024, các tổ máy vận hành an toàn, ổn định và đạt hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu huy động của Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia (A0), đúng phương thức vận hành của các Trung tâm điều độ.
- Trong năm 2024 thực hiện hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu về kinh tế kỹ thuật, doanh thu, lợi nhuận và cố tức.

### Khó khăn

- Tình hình thủy văn không thuận lợi lưu lượng nước về các hồ thấp hơn so với kế hoạch năm 2024, chi tiết như sau: hồ Đơn Dương đạt 100,00% so với kế hoạch (25,30 m3/s/25,30 m3/s) nhưng trong 11 tháng chỉ đạt 89,94% và trong năm 2024 đã xuất hiện 02 cơn lũ; hồ Hàm Thuận đạt 91,66% so với kế hoạch (46,90 m3/s/51,16 m3/s).





# 02 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu - Hợp nhất	31/12/2023		31/12/2024		TH 2024/TH2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	2.078	25,91%	2.458	32,87%	118,29%
Tài sản dài hạn	5.941	74,09%	5.020	67,13%	84,49%
Tổng tài sản	8.019	100%	7.478	100%	93,25%

Tình hình tài sản của Công ty trong năm 2024 cho thấy sự thay đổi đáng chú ý về cơ cấu và xu hướng phân bổ nguồn lực. Mặc dù tổng tài sản giảm nhẹ 6,75% so với năm 2023 (từ 8.019 tỷ xuống còn 7.478 tỷ đồng), nhưng tài sản ngắn hạn lại tăng mạnh 18,29%, từ 2.078 tỷ lên 2.458 tỷ đồng, nâng tỷ trọng từ 25,91% lên 32,87%. Ngược lại, tài sản dài hạn giảm 15,5% và tỷ trọng giảm từ 74,09% xuống còn 67,13%. Sự dịch chuyển này cho thấy công ty đang ưu tiên tăng tính linh hoạt tài chính thông qua việc tập trung vào tài sản có khả năng thanh khoản cao, đồng thời thu hẹp đầu tư dài hạn. Điều này có thể phản ánh chiến lược điều chỉnh nhằm ứng phó với biến động thị trường, nâng cao khả năng thanh toán và tối ưu hóa dòng tiền trong ngắn hạn.

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		TH 2024/TH2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	1.329	48,56%	935	42,27%	70,39%
Nợ dài hạn	1.407	51,44%	1.277	57,73%	90,76%
Tổng nợ phải trả	2.736	100%	2.212	100%	80,87%

Tình hình nợ phải trả của Công ty trong năm 2024 cho thấy xu hướng tài chính tích cực với mức giảm tổng nợ từ 2.736 tỷ đồng xuống còn 2.212 tỷ đồng, tương đương 80,87% so với năm trước. Điểm đáng chú ý là nợ ngắn hạn giảm mạnh 29,61%, từ 1.329 tỷ còn 935 tỷ đồng, kéo theo tỷ trọng trong cơ cấu nợ giảm từ 48,56% xuống 42,27%. Trong khi đó, nợ dài hạn chỉ giảm nhẹ và chiếm tỷ trọng lớn hơn, tăng từ 51,44% lên 57,73%. Điều này cho thấy công ty đang chủ động tái cơ cấu nguồn vốn theo hướng giảm áp lực thanh toán ngắn hạn, kéo dài kỳ hạn nợ để ổn định dòng tiền và tăng khả năng kiểm soát tài chính. Việc giảm tổng nợ trong khi vẫn duy trì đầu tư phát triển là tín hiệu tích cực, góp phần nâng cao tính bền vững trong chiến lược tài chính trung và dài hạn của DNH.





## 03 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Trong năm 2024, Công ty đã có nhiều đổi mới về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý như sau:
- Tiếp tục rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định biên lao động được phê duyệt.
  - Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Công ty; Lập mô tả công việc của từng chức danh tại các đơn vị trong Công ty đảm bảo khoa học, hợp lý và tăng năng suất lao động của từng chức danh.
  - Sắp xếp bố trí đúng năng lực, sở trường của từng người lao động; sắp xếp, bố trí lại lao động hợp lý để không tăng thêm lao động.
  - Tập trung đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; đào tạo chuyên gia về kỹ thuật; tuyển chọn các cán bộ có đủ năng lực để đào tạo về các lĩnh vực mũi nhọn.
  - Tăng cường công tác đào tạo nội bộ, đào tạo nâng bậc và chuẩn hóa chất lượng đội ngũ công nhân kỹ thuật, tạo điều kiện cho CBCNV học tập nâng cao trình độ về quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ.
  - Thực hiện công tác lập kế hoạch đào tạo sát với nhu cầu thực tế; tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch đào tạo hàng năm.
  - Tiếp tục rà soát, cử cán bộ đương nhiệm và quy hoạch tham gia các lớp đào tạo cán bộ quản lý các cấp theo chương trình khung của EVN; tăng cường công tác số hóa tài liệu đào tạo và đào tạo qua hệ thống E-learning.
  - Thực hiện tốt các nhiệm vụ, kế hoạch Chuyển đổi số do EVN/Tổng công ty giao.
  - Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất, tăng cường sử dụng các phần mềm D-Office, quản lý nhân sự ...
  - Tiếp tục tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến và ý tưởng cải cách hành chính góp phần vào việc tăng năng suất lao động.

## 04 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025, Công ty lên kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	TH 2024	KH 2025	% KH2025 / TH2024
1	Sản lượng điện				
	SLĐ sản xuất	Tr.kWh	2.745,52	2.861,00	104,19%
	SLĐ thương phẩm	Tr.kWh	2.728,08	2.842,00	104,18%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.223.331	2.135.956	96,07%
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.118.477	1.227.438	109,74%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	1.104.854	908.518	82,23%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	906.273	729.952	80,54%
6	Cổ tức	%	21	12	57,14%



## 05 GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có.





## 06 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường là một trong những ưu tiên hàng đầu trong các kế hoạch hoạt động hằng năm của Công ty. Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Cụ thể: Hướng đến sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường, và đồng thời phổ biến và tuyên truyền các biện pháp bảo vệ môi trường đến các cấp lãnh đạo, CBCNV, và người dân địa phương.

Tất cả các nhà máy thuộc Công ty quản lý là loại nhà máy thủy điện, điện mặt trời, sử dụng nước mặt và năng lượng mặt trời để sản xuất điện năng, quy trình sản xuất không sử dụng hóa chất, Nước thải chủ yếu tại các nhà máy là nước thải sinh hoạt của Cán bộ công nhân viên hàng ngày, nước rò rỉ từ tua bin, thiết bị cơ khí.

Ngoài ra, Công ty cũng đã tổ chức phân loại chất thải trong khu vực sản xuất và tại các khu nhà trực vận hành để từng CB.CNV nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc và nơi ở.

Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương xã điều tiết nước hồ Đơn Dương, hồ Hàm Thuận qua đập tràn góp phần đảm bảo an toàn cho hạ du. Trong quá trình điều tiết lũ, Công ty thường xuyên liên lạc với chính quyền địa phương để phối hợp trong việc cung cấp thông tin và nhận sự chỉ đạo trong công tác vận hành hồ chứa. Việc phối hợp vận hành, điều tiết hồ chứa hiệu quả.



### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty đã và đang tạo việc làm ổn định cho Người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với các chế độ lương thưởng cho người lao động, duy trì đều đặn các chính sách phúc lợi hằng năm, luôn tạo điều kiện để Người lao động thể hiện năng lực bản thân, được học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt là thu nhập của người lao động trong những năm gần đây liên tục được cải thiện, làm cho Người lao động ngày càng gắn bó với Công ty.

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh việc hoạt động sản xuất kinh doanh, hằng năm, Công ty đã thực hiện nhiều công tác hỗ trợ cộng đồng thông qua nhiều chương trình từ thiện - xã hội ý nghĩa.

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tự thấy có trách nhiệm với cộng đồng. Trong thời gian qua, Công ty đã tiết giảm chi phí, tận dụng mọi nguồn lực phù hợp với quy định để thực hiện công tác an sinh xã hội trên địa bàn hoạt động của Công ty, nhằm góp phần tạo cuộc sống cho người dân trong vùng ngày càng tốt hơn.





# 04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





# 01 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo Công ty vượt qua nhiều khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	KH 2024	TH 2024	% TH2024 / KH2024
1	Sản lượng điện				
	SLĐ sản xuất	Tr.kWh	3.111	2.745,52	88,27%
	SLĐ thương phẩm	Tr.kWh	3.086	2.728,08	88,40%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.979.035	2.223.331	112,34%
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.282.267	1.118.477	87,23%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	696.768	1.104.854	158,57%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	560.272	906.273	161,76%
6	Cổ tức	%	14	21	150%



Các nội dung được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua đã được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định, bao gồm: Tiền lương thực hiện năm 2023, kế hoạch tiền lương năm 2024 của người quản lý; tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT và Ban kiểm soát; phân phối lợi nhuận năm 2023, lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

Trong năm 2024, Công ty vẫn tiếp tục tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường. Ngoài các hoạt động an sinh xã hội thường làm, HĐQT đã chỉ đạo Công ty chú trọng thực hiện các hoạt động mang tính phát triển bền vững cho cộng đồng như: Tài trợ xây nhà Đại đoàn kết trên địa bàn huyện Ninh Sơn (tỉnh Ninh Thuận), trên địa bàn huyện Đơn Dương và thành phố Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng); tài trợ giáo dục bằng hiện vật như máy tính, tivi, máy bơm nước; dụng cụ học tập... cho các trường học tại xã Đa Mi, xã Đông Tiến, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; hỗ trợ kinh phí trang bị dụng cụ y tế tại phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng... và tham gia thực hiện nhiều hoạt động an sinh xã hội khác nhằm chia sẻ khó khăn với người dân địa phương.





## 02 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trong năm 2024, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Ban Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và các hoạt động khác của Công ty để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Duy trì tốt lịch họp hàng tháng để tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, kịp thời điều chỉnh các giải pháp trong công tác quản lý điều hành một cách linh hoạt.
- Với những kết quả đạt được về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận,... HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc trong năm 2024.



## 03 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã ban hành Chương trình làm việc năm 2024 nhằm cụ thể hóa các mặt công tác trong năm 2024. Năm 2024 tập trung vào các vấn đề sau:

- Công tác sản xuất kinh doanh: Chỉ đạo triển khai thành công Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 trên cơ sở đảm bảo các tố mỷ vận hành an toàn, ổn định và đạt hiệu quả. Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và đảm bảo cố tức theo kế hoạch đề ra.
- Công tác đầu tư: Chỉ đạo, đôn đốc và giám sát việc quyết toán hoàn thành Dự án mở rộng Nhà mỷ thủy điện Đa Nhim và thực hiện các bước để triển khai Dự án mở rộng Nhà mỷ thủy điện Đa Nhim giai đoạn 2.
- Công tác tổ chức, lao động và tiền lương: Chỉ đạo các vấn đề liên quan đến việc xây dựng định biên và sắp xếp lại lao động, Quy chế phân phối lương sản xuất điện.
- Công tác quản trị nội bộ: Chỉ đạo rà soát, hiệu chỉnh các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.





05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1  
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

NGHỊ

NG TÁC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN  
KHAI NHIỆM VỤ NĂM 20

12 tháng 01 năm 2025







01 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT (tính đến ngày 31/12/2024)

STT	Thành viên	Chức vụ	SLCP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu (*)
1	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	Cá nhân: 0 CP Đại diện: 189.946.395 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 44,97%
2	Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Cá nhân: 0 CP Đại diện: 147.736.085 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 34,97%
3	Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Cá nhân: 7.100 CP Đại diện: 84.420.620 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 19,99%

(\*) SLCP sở hữu tính tại ngày 31/12/2024

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Lê Văn Quang - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- + Từ 9/1992 đến 02/1993: Kỹ sư điện, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Từ 3/1993 đến 3/1996: Kỹ sư điện, làm việc tại Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- + Từ 4/1996 đến 7/1997: Tổ trưởng tổ Thí nghiệm điện - Phân xưởng Sửa chữa - Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- + Từ 8/1997 đến 12/1998: Phó Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa - Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- + Từ 01/1999 đến 12/2006: Quản đốc PX Sửa chữa - Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- + Từ 01/2007 đến 10/2007: Quản đốc PX Sửa chữa 1 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 11/2007 đến 9/2011: Phó Giám đốc Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 10/2011 đến 6/2017: Thành viên HĐQT, Phó TGD - CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 7/2017 đến 28/02/2022: Thành viên HĐQT, TGD - CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 28/02/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận- Đa Mi.

Số cổ phiếu nắm giữ:

- + Sở hữu: 0 CP, tỷ lệ: 0%.
- + Đại diện Tổng công ty Phát điện 1 sở hữu: 189.946.395 CP, tỷ lệ: 44,97%.

Ông Đặng Văn Cường - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
Xem lý lịch tại mục Lý lịch Ban điều hành

Ông Đỗ Minh Lộc - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc  
Xem lý lịch tại mục Lý lịch Ban điều hành

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, HĐQT đã chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và tổ chức lấy ý cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh mức cổ tức năm 2024 từ 12% lên 14%.

HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức họp và lấy phiếu ý kiến để thông qua các nội dung do Ban Tổng giám đốc trình liên quan đến công tác điều hành, sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. HĐQT đã ký ban hành 213 Nghị quyết/Quyết định, trong đó:

- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua cuộc họp: 04
- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua lấy ý kiến bằng văn bản: 209.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Lê Văn Quang - Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	100%
2	Ông Đặng Văn Cường - Thành viên HĐQT	4/4	100%	100%
3	Ông Đỗ Minh Lộc - Thành viên HĐQT	4/4	100%	100%



Chi tiết các nội dung Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm 2024 như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQT	02/01/2024	Ban hành Quy chế phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	100%
2	02/NQ-HĐQT	04/01/2024	Chi trả trước cổ tức năm 2023 đợt 1 cho Tổng công ty Phát điện 1.	100%
3	03/NQ-HĐQT	10/01/2024	Hợp HĐQT quý I năm 2024	100%
4	04/NQ-HĐQT	11/01/2024	Phê duyệt chi trả trước cổ tức năm 2023 (đợt 1 - lần 2)	100%
5	05/NQ-HĐQT	11/01/2024	Phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí sửa chữa phục hồi stator tổ máy H1 NMTĐ Đa Mi	100%
6	06/NQ-HĐQT	22/01/2024	Thông qua dự thảo hợp đồng với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
7	07/NQ-HĐQT	31/01/2024	Thông qua dự thảo phụ lục hợp đồng số 48/2023/HĐ-TĐĐHĐ-TELEMATIC-3C về cung cấp, lắp đặt MBA chính NMTĐ Đa Mi	100%
8	08/NQ-HĐQT	05/02/2024	Phê duyệt chương trình làm việc của HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2024	100%
9	09/NQ-HĐQT	06/02/2024	Phê duyệt chủ trương lựa chọn đơn vị Tư vấn pháp lý liên quan đến Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim	100%
10	10/QĐ-HĐQT	07/02/2024	Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ diện Công ty quản lý giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031	100%
11	11/NQ-HĐQT	07/02/2024	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty và kiện toàn Tổ thư ký trực thuộc HĐQT	100%
12	12/QĐ-HĐQT	19/02/2024	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty	100%
13	13/QĐ-HĐQT	19/02/2024	Thôi nhiệm vụ Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty	100%
14	14/QĐ-HĐQT	20/02/2024	Kiện toàn Tổ thư ký trực thuộc HĐQT	100%
15	15/NQ-HĐQT	21/02/2024	Thông qua chi phí bổ sung các hạng mục công trình sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2023	100%
16	16/NQ-HĐQT	11/03/2024	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ	100%
17	17/NQ-HĐQT	11/03/2024	Phê duyệt chi trả trước cổ tức năm 2023 (đợt 1- lần 4)	100%
18	18/NQ-HĐQT	13/03/2024	Thông qua E-HSMT gói thầu Tư vấn pháp lý giải quyết các tổn tại, vướng mắc của Hợp đồng số 368/DHD-CC47	100%
19	19/NQ-HĐQT	13/03/2024	Phê duyệt chủ trương kiện toàn nhân sự tại các công ty có vốn góp của DHD	100%
20	20/NQ-HĐQT	13/03/2024	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Công ty	100%
21	21/NQ-HĐQT	13/03/2024	Thông qua thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của DHD	100%
22	22/NQ-HĐQT	19/03/2024	Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của người quản lý và người lao động	100%
23	23/QĐ-HĐQT	20/03/2024	Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của người quản lý và người lao động	100%
24	24/NQ-HĐQT	21/03/2024	Thông qua kiện toàn nhân sự người đại diện phần vốn của Công ty DHD tại TBW	100%
25	25/QĐ-HĐQT	21/03/2024	Kiện toàn nhân sự người đại diện phần vốn của Công ty DHD tại TBW	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
26	26/NQ-HĐQT	21/03/2024	Thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của TBW	100%
27	27/NQ-HĐQT	26/03/2024	Thông qua nội dung điều chỉnh HĐ số 180/2023/HĐ-TĐĐHĐ-SST ngày 08/08/2023	100%
28	28/NQ-HĐQT	28/03/2024	Phê duyệt quyết toán nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm 2023	100%
29	29/NQ-HĐQT	28/03/2024	Quyết toán tiền nhân công SCL tự làm năm 2023	100%
30	30/NQ-HĐQT	29/03/2024	Thông qua E-HSMT gói thầu Kiểm định định kỳ và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống đo đếm điện năng năm 2024	100%
31	31/NQ-HĐQT	03/04/2024	Thông qua bổ nhiệm lại cán bộ	100%
32	32/NQ-HĐQT	10/04/2024	Hợp HĐQT quý II năm 2024	100%
33	33/NQ-HĐQT	10/04/2024	Phê duyệt chi trả trước cổ tức (đợt 2) cho Tổng công ty Phát điện 1	100%
34	34/NQ-HĐQT	11/04/2024	Thông qua PAKT và dự toán SCL TSCĐ năm 2024 (đợt 1)	100%
35	35/NQ-HĐQT	12/04/2024	Thông qua BCKTKT hạng mục "Trang bị máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm"	100%
36	36/NQ-HĐQT	15/04/2024	Thông qua nội dung chính dự thảo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	100%
37	37/NQ-HĐQT	15/04/2024	Thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
38	38/NQ-HĐQT	16/04/2024	Thông qua lựa chọn ngân hàng gửi tiết kiệm	100%
39	39/NQ-HĐQT	19/04/2024	Thông qua kết quả đánh giá E- HSĐX kỹ thuật gói thầu tư vấn pháp lý giải quyết tổn tại, vướng mắc của Hợp đồng số 368/DHD-CC47	100%
40	40/NQ-HĐQT	24/04/2024	Thông qua tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
41	41/NQ-HĐQT	25/04/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục "Nhà để xe khu vực văn phòng Bảo Lộc	100%
42	42/NQ-HĐQT	02/05/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục "Hệ thống điều hòa cho nhà máy Đa Nhim mở rộng"	100%
43	43/NQ-HĐQT	02/05/2024	Thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện A Vương	100%
44	44/QĐ-HĐQT	02/05/2024	Kiện toàn nhân sự người đại diện phần vốn của Công ty DHD tại AVC	100%
45	45/QĐ-HĐQT	02/05/2024	Kiện toàn nhân sự người đại diện phần vốn của Công ty DHD tại SBH	100%
46	46/NQ-HĐQT	04/05/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục "Bơm chữa cháy loại khiêng tay cho NMTĐ Sông Pha"	100%
47	47/NQ-HĐQT	04/05/2024	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2024 hiệu chỉnh	100%
48	48/QĐ-HĐQT	04/05/2024	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
49	49/QĐ-HĐQT	04/05/2024	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
50	50/NQ-HĐQT	04/05/2024	Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng gói thầu số 24PTV-SXKD-2024" Kiểm định định kỳ và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống đo đếm điện năng năm 2024"	100%



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
51	51/NQ-HĐQT	04/05/2024	Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng gói thầu " Tư vấn pháp lý giải quyết các tồn tại, vướng mắc của Hợp đồng số 368/DHD-CC47"	100%
52	52/NQ-HĐQT	07/05/2024	Thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha"	100%
53	53/NQ-HĐQT	08/05/2024	Thông qua dự toán gói thầu " Trang bị máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm"	100%
54	54/NQ-HĐQT	09/05/2024	Phê duyệt KHLCNT SCL TSCĐ năm 2024 (đợt 1) của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
55	55/NQ-HĐQT	15/05/2024	Phê duyệt chủ trương thực hiện tư vấn lập phương án quản lý rừng bền vững theo quy định của pháp luật	100%
56	56/NQ-HĐQT	17/05/2024	Lựa chọn đơn vị Tư vấn lập hồ sơ thiết kế Hệ thống chữa cháy tự động cho các NMTĐ Hàm Thuận, Đa Mi và NMĐ mặt trời Đa Mi	100%
57	57/NQ-HĐQT	17/05/2024	Phê duyệt KHLCNT hạng mục: Nhà để xe khu văn phòng Bảo Lộc	100%
58	58/NQ-HĐQT	17/05/2024	Thông qua E-HSMT gói thầu 30TV-SXKD-2024 " Quan trắc xói lở, bồi lắng lòng hồ Đơn Dương, Hàm Thuận, Đa Mi" thuộc danh mục SXKD 2024	100%
59	59/NQ-HĐQT	17/05/2024	Phê duyệt KHLCNT hạng mục: Hệ thống điều hòa cho nhà máy Đa Nhim mở rộng	100%
60	60/NQ-HĐQT	17/05/2024	Phê duyệt chủ trương mua sắm vật tư thiết bị thay thế thiết bị ngăn lộ 272 NMTĐ Đa Nhim	100%
61	61/NQ-HĐQT	20/05/2024	Thông qua áp dụng Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam	100%
62	62/NQ-HĐQT	20/05/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế kỹ thuật hạng mục " Máy biến điện áp 13,2kV đầu cực máy phát Đa Nhim"	100%
63	63/QĐ-HĐQT	21/05/2024	Công bố áp dụng Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam	100%
64	64/NQ-HĐQT	21/05/2024	Thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	100%
65	65/NQ-HĐQT	22/05/2024	Phê duyệt trích lập và chi trả quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty năm 2023	100%
66	66/NQ-HĐQT	23/05/2024	Phê duyệt KHLCNT hạng mục" Trang bị máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm	100%
67	67/NQ-HĐQT	24/05/2024	Phê duyệt trích lập và kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024	100%
68	68/NQ-HĐQT	31/05/2024	Thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán chi phí danh mục Tổ máy H1 Đa Mi, hạng mục “Hệ thống điều tốc và hệ thống kích từ”, thuộc kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2024	100%
69	69/NQ-HĐQT	04/06/2024	Phê duyệt chủ trương thực hiện Gói thầu: “Cung cấp dịch vụ bảo trì phần mềm dùng chung ngành điện năm 2024”	100%
70	70/NQ-HĐQT	05/06/2024	Thông qua phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2024 (Đợt 2)	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
71	71NQ-HĐQT	05/06/2024	Chi trả cổ tức năm 2023 đợt cuối bằng tiền	100%
72	72/NQ-HĐQT	05/06/2024	Phê duyệt chủ trương thực hiện Gói thầu: “Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty năm 2024”	100%
73	73/NQ-HĐQT	06/06/2024	Chi trả cổ tức năm 2023 đợt cuối bằng tiền	100%
74	74/NQ-HĐQT	07/06/2024	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu “Kiểm toán, quyết toán các hạng mục đầu tư phát triển năm 2023”	100%
75	75/NQ-HĐQT	07/06/2024	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu “Cung cấp bơm chữa cháy loại khiêng tay cho Nhà máy thủy điện Sông Pha”	100%
76	76/NQ-HĐQT	12/06/2024	Thông qua kết quả đánh giá E-Hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu số 29TV-SXKD- 2024 “Tư vấn lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở sản xuất (các Nhà máy Hàm Thuận, Đa Mi, Điện mặt trời Đa Mi, Đa Nhim, Sông Pha, Đa Nhim mở rộng)” thuộc danh mục sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
77	77/NQ-HĐQT	18/06/2024	Thông qua Danh mục Quy chế quản lý nội bộ do Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ban hành hết hiệu lực thi hành năm 2024 (đợt 01)	100%
78	78/NQ-HĐQT	20/06/2024	Phê duyệt chi trả cổ tức năm 2023 (đợt cuối - lần 1) cho Tổng công ty Phát điện 1	100%
79	79/NQ-HĐQT	25/06/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Báo cháy, chữa cháy khu nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Khu thể thao”	100%
80	80/NQ-HĐQT	28/06/2024	Thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu “Cung cấp, lắp đặt thiết bị ngăn lộ 272 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%
81	81/NQ-HĐQT	02/07/2024	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ	100%
82	82/NQ-HĐQT	03/07/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Mốc quan trắc Công trình Thủy điện Hàm Thuận”, thuộc danh mục đầu tư năm 2024	100%
83	83/NQ-HĐQT	05/07/2024	Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng Tư vấn lập phương án quản lý rừng bền vững theo quy định của pháp luật	100%
84	84/NQ-HĐQT	08/07/2024	Về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ, tài liệu nội bộ năm 2024 (cập nhật)	100%
85	85/NQ-HĐQT	08/07/2024	Về việc phê duyệt chi trả cổ tức năm 2023 (đợt cuối - lần 2) cho Tổng công ty Phát điện 1	100%
86	86/NQ-HĐQT	09/07/2024	Thông qua Dự thảo Hợp đồng kiểm toán năm 2024	100%
87	87/NQ-HĐQT	10/07/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	100%
88	88/NQ-HĐQT	11/07/2024	Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
89	89/QĐ-HĐQT	11/07/2024	Về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và Ứng dụng công nghệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
90	90/NQ-HĐQT	16/07/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Mốc quan trắc Công trình Thủy điện Đa Mi”	100%



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
91	91/NQ-HĐQT	17/07/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng gói thầu số 29TV-SXKD-2024 “Tư vấn lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở sản xuất (các Nhà máy Hàm Thuận, Đa Mi, Điện mặt trời Đa Mi, Đa Nhim, Sông Pha, Đa Nhim mở rộng)”	100%
92	92/NQ-HĐQT	18/07/2024	Hợp HĐQT - Phiên họp quý III năm 2024	100%
93	93/NQ-HĐQT	22/07/2024	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2024 (đợt 2) của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
94	94/NQ-HĐQT	26/07/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật cập nhật và giá gói thầu cập nhật; phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2024 (đợt 1) về nội dung thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu của Gói thầu số 02XL-SCL-2024 “Đường vận hành đi Nhà máy Thủy điện Đa Mi”	100%
95	95/NQ-HĐQT	27/07/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Máy biến áp 13T Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%
96	96/NQ-HĐQT	31/07/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu gói thầu “Trang bị Máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm”	100%
97	97/NQ-HĐQT	31/07/2024	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy định quản lý vốn và Người đại diện của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại công ty con, công ty liên kết	100%
98	98/NQ-HĐQT	31/07/2024	Về việc thông qua danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, gói thầu số 30TV-SXKD- 2024 “Quan trắc xói lở, bồi lắng lòng hồ Đơn Dương, Hàm Thuận, Đa Mi” thuộc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
99	99/QĐ-HĐQT	02/08/2024	Ban hành Quy định quản lý vốn và Người đại diện của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại công ty con, công ty liên kết	100%
100	100/NQ-HĐQT	02/08/2024	Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng nguồn vốn SXKD chi hỗ trợ các địa phương năm 2024	100%
101	101/NQ-HĐQT	05/08/2024	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục “Bảo cháy, chữa cháy khu nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Khu thể thao”	100%
102	102/NQ-HĐQT	05/08/2024	Thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Bơm chữa cháy động cơ điện và chống sét cho khu Nhà trực vận hành Bảo Lộc”	100%
103	103/NQ-HĐQT	05/08/2024	Về việc thông qua nâng bậc lương đối với chức danh Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách	100%
104	104/QĐ-HĐQT	06/08/2024	Về việc nâng bậc lương đối với Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách	100%
105	105/NQ-HĐQT	07/08/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 02XL-SCL-2024 “Đường vận hành đi Nhà máy Thủy điện Đa Mi” thuộc danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2024	100%
106	106/NQ-HĐQT	07/08/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng tháng 8 năm 2024	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
107	107/NQ-HĐQT	12/08/2024	Thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 45PTV-SXKD-2024 “Quan trắc chuyển vị chu kỳ năm 2024 Công trình thủy điện Đa Nhim, Sông Pha và tuyến đường ống Đa Nhim mở rộng”	100%
108	108/NQ-HĐQT	19/08/2024	Về việc phê duyệt Danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025	100%
109	109/NQ-HĐQT	20/08/2024	Thông qua phương án bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ	100%
110	110/NQ-HĐQT	22/08/2024	Về việc thông qua nội dung sửa đổi E-Hồ sơ mời thầu gói thầu “Trang bị Máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm”	100%
111	111/NQ-HĐQT	22/08/2024	Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu “Cung cấp, lắp đặt thiết bị ngăn lộ 272 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%
112	112/NQ-HĐQT	22/08/2024	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục “Máy biến điện áp 13,2kV đầu cực các máy phát Đa Nhim”	100%
113	113/NQ-HĐQT	23/08/2024	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục “Bơm chữa cháy động cơ điện và chống sét cho khu Nhà trực vận hành Bảo Lộc”	100%
114	114/NQ-HĐQT	26/08/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 31-TV-SXKD-2024 “Kiểm định an toàn đập, hồ chứa Công trình thủy điện Đa Nhim, Hàm Thuận và Đa Mi năm 2024” thuộc danh mục sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
115	115/NQ-HĐQT	27/08/2024	Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 13TV-SCL-2024 “Tư vấn Khảo sát, lập Phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa Hệ thống Điều tốc các Tổ máy H1, H2, H3, H4 Đa Nhim”	100%
116	116/NQ-HĐQT	28/08/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 8 năm 2024	100%
117	117/NQ-HĐQT	28/08/2024	Về việc thông qua áp dụng mẫu E-Hồ sơ mời thầu gói thầu mua sắm hàng hóa trong Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
118	118/NQ-HĐQT	28/08/2024	Về việc thông qua áp dụng Hướng dẫn về công tác lập, trình duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
119	119/NQ-HĐQT	28/08/2024	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục “Máy biến áp 13T Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%
120	120/NQ-HĐQT	28/08/2024	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1) hạng mục “Ống piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi” thuộc danh mục đầu tư năm 2024	100%
121	121/QĐ-HĐQT	29/08/2024	Về việc công bố áp dụng Hướng dẫn về công tác lập, trình duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
122	122/QĐ-HĐQT	29/08/2024	Về việc công bố áp dụng mẫu E-Hồ sơ mời thầu gói thầu mua sắm hàng hóa trong Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
123	123/NQ-HĐQT	30/08/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 47TV-SXKD- 2024 “Tư vấn xây dựng, triển khai đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 4 cho các hệ thống điều khiển của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi”	100%
124	124/NQ-HĐQT	05/09/2024	Về việc thông qua dự thảo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02 của Hợp đồng số 301/2023/HĐ-TĐĐHĐ-S5T ngày 06 tháng 11 năm 2023 Gói thầu “Cung cấp vật tư sửa chữa thiết bị điều tốc, điều khiển van chính tổ máy H1, H2, H3 Sông Pha”	100%
125	125/NQ-HĐQT	09/09/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu số 30TV-SXKD-2024 “Quan trắc xói lở, bồi lắng lòng hồ Đơn Dương, Hàm Thuận, Đa Mi” thuộc danh mục sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
126	126/NQ-HĐQT	09/09/2024	Về việc thông qua ban hành Quy định quản lý và sử dụng dòng tiền	100%
127	127/QĐ-HĐQT	10/09/2024	Về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng dòng tiền	100%
128	128/NQ-HĐQT	11/09/2024	Về việc kế hoạch điều động cán bộ năm 2024	100%
129	129/NQ-HĐQT	11/09/2024	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục Mốc quan trắc Công trình Thủy điện Hàm Thuận, Mốc quan trắc Công trình Thủy điện Đa Mi, Nhà xưởng tại Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
130	130/NQ-HĐQT	17/09/2024	Về việc thông qua phương án điều động, bổ nhiệm cán bộ	100%
131	131/NQ-HĐQT	17/09/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu số 45PTV-SXKD-2024 “Quan trắc chuyển vị chu kỳ năm 2024 công trình thủy điện Đa nhim, Sông Pha và tuyến đường ống Đa Nhim mở rộng”	100%
132	132/NQ-HĐQT	19/09/2024	Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nâng lương của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
133	133/QĐ-HĐQT	20/09/2024	Về việc ban hành Quy chế nâng lương của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
134	134/NQ-HĐQT	23/09/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Cầu thang thoát hiểm hội trường văn phòng làm việc Bảo Lộc”	100%
135	135/NQ-HĐQT	24/09/2024	Về việc thông qua dự thảo Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 124/2024/HĐ-TĐĐHĐ-ATIM thực hiện gói thầu tư vấn pháp lý giải quyết các tồn tại, vướng mắc của Hợp đồng số 368/DHD- CC47 Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
136	136/NQ-HĐQT	27/09/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Cầu thang thoát hiểm nhà xưởng Hàm Thuận	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
137	137/NQ-HĐQT	27/09/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu số 02XL-SCL-2024 “Đường vận hành đi Nhà máy Thủy điện Đa Mi”	100%
138	138/NQ-HĐQT	27/09/2024	Về việc thông qua triển khai thủ tục yêu cầu ngân hàng thanh toán một phần của bảo đảm thực hiện Hợp đồng số 368/DHD-CC47	100%
139	139/NQ-HĐQT	30/09/2024	Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế sử dụng quỹ phúc lợi trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
140	140/NQ-HĐQT	30/09/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 9 năm 2024	100%
141	141/NQ-HĐQT	02/10/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu và giá gói thầu cập nhật, Gói thầu số 09MSHH-SCL-2024: Cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị cho hệ thống kích từ tổ máy H1 và H2 Đa Mi	100%
142	142/NQ-HĐQT	03/10/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 10MSHH-SCL-2024 “Cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị cho hệ thống điều tốc tổ máy H1 Đa Mi”	100%
143	143/NQ-HĐQT	03/10/2024	Về việc thông qua khởi kiện Công ty cổ phần Xây dựng 47 vi phạm nghĩa vụ về thời gian hoàn thành công trình của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 - Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
144	144/NQ-HĐQT	08/10/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu “Trang bị Máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm”	100%
145	145/QĐ-HĐQT	08/10/2024	Về việc ban hành Quy chế sử dụng Quỹ phúc lợi của CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
146	146/NQ-HĐQT	10/10/2024	Về việc thông qua danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu số 47TV-SXKD-2024: Tư vấn xây dựng, triển khai đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 4 cho các hệ thống điều khiển của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
147	147/NQ-HĐQT	15/10/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 10 năm 2024	100%
148	148/NQ-HĐQT	16/10/2024	Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng “Kiểm định định kỳ thiết bị trạm 110kV Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 năm 2024” với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
149	149/NQ-HĐQT	18/10/2024	Về việc phê duyệt Danh mục các gói thầu sử dụng vốn SXKD năm 2025 triển khai thực hiện lựa chọn nhà thầu trong quý IV năm 2024	100%
150	150/NQ-HĐQT	21/10/2024	Hợp HĐQT - Phiên họp quý IV năm 2024	100%
151	151/NQ-HĐQT	24/10/2024	Về việc thông qua dự thảo Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 340/2024/HĐ- TĐĐHĐ-23JSC Gói thầu số 30TV-SXKD-2024 “Quan trắc xói lở, bồi lắng lòng hồ Đơn Dương, Hàm Thuận, Đa Mi”	100%
152	152/NQ-HĐQT	24/10/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu số 47TV-SXKD-2024 “Tư vấn xây dựng, triển khai đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 4 cho các hệ thống điều khiển của CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi”	100%



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
153	153/NQ-HĐQT	25/10/2024	Về việc ban hành Quy định phân phối lương sản xuất điện, tiền an toàn điện	100%
154	154/NQ-HĐQT	25/10/2024	Về việc thông qua áp dụng giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của Gói thầu số 10XL-SXKD-2024 “Xử lý các vết nứt của tòa nhà năng lượng Hàm Thuận” thuộc danh mục sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
155	155/NQ-HĐQT	25/10/2024	Về việc thông qua danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, Gói thầu số 31TV-SXKD-2024 “Kiểm định an toàn đập, hồ chứa Công trình thủy điện Đa Nhim, Hàm Thuận và Đa Mi năm 2024	100%
156	156/QĐ-HĐQT	28/10/2024	Về việc ban hành Quy định phân phối lương sản xuất điện, tiền an toàn điện	100%
157	157/NQ-HĐQT	30/10/2024	Về việc thông qua bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
158	158/NQ-HĐQT	04/11/2024	Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy định phụ cấp hoạt động sản xuất kinh doanh khác trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
159	159/NQ-HĐQT	06/11/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Danh mục Tổ máy H3 Đa Nhim, Hạng mục Đại tu tổ máy	100%
160	160/NQ-HĐQT	11/11/2024	Thông qua phương án bổ nhiệm lại cán bộ (ông Đoàn Thanh Tạo)	100%
161	161/NQ-HĐQT	15/11/2024	Về việc phê duyệt chủ trương lựa chọn Tư vấn pháp lý bảo vệ quyền lợi ích của Chủ đầu tư giải quyết tranh chấp Hợp đồng số 368/DHD-CC47 tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam	100%
162	162/NQ-HĐQT	15/11/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Sông Pha”	100%
163	163/NQ-HĐQT	18/11/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Cung cấp lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%
164	164/NQ-HĐQT	18/11/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động cho các MBA T9 và T10 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%
165	165/NQ-HĐQT	18/11/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Danh mục Tổ máy H4 Sông Pha, Hạng mục Đại tu tổ máy	100%
166	166/NQ-HĐQT	18/11/2024	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hạng mục “Hệ thống chữa cháy tự động Kho vật tư Nhà máy Thủy điện Đa Nhim”	100%
167	167/NQ-HĐQT	18/11/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Danh mục Tổ máy H2 Sông Pha, Hạng mục Đại tu tổ máy	100%
168	168/NQ-HĐQT	21/11/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu “Cung cấp dịch vụ bảo vệ an ninh trật tự và an toàn năm 2025 - 2026”	100%
169	169/NQ-HĐQT	22/11/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 11 năm 2024	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
170	170/NQ-HĐQT	22/11/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 11 năm 2024 (Hiệu chỉnh)	100%
171	171/NQ-HĐQT	25/11/2024	Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng gói thầu Tư vấn pháp lý bảo vệ quyền lợi ích của Chủ đầu tư giải quyết tranh chấp Hợp đồng số 368/DHD-CC47 tại VIAC	100%
172	172/NQ-HĐQT	26/11/2024	Về việc thông qua áp dụng Quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam tại CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
173	173/NQ-HĐQT	27/11/2024	Về việc thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	100%
174	174/NQ-HĐQT	27/11/2024	Về việc thông qua áp dụng Bộ định mức sửa chữa lớn thiết bị không theo khối nhà máy Thủy điện trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
175	175/NQ-HĐQT	27/11/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu “Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2025”	100%
176	176/NQ-HĐQT	27/11/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu “Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi năm 2025”	100%
177	177/NQ-HĐQT	27/11/2024	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền	100%
178	661/QĐ-HĐQT	27/11/2024	Về việc công bố áp dụng Quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
179	178/NQ-HĐQT	28/11/2024	Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 11 Hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi - Sông Pha	100%
180	179/NQ-HĐQT	29/11/2024	Về việc thông qua các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng năm 2024	100%
181	180/NQ-HĐQT	29/11/2024	Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
182	181/NQ-HĐQT	29/11/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 11 năm 2024	100%
183	182/NQ-HĐQT	29/11/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu số 31TV-SXKD-2024: Kiểm định an toàn đập, hồ chứa Công trình thủy điện Đa Nhim, Hàm Thuận và Đa Mi năm 2024	100%
184	183/NQ-HĐQT	03/12/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu “Kiểm định định kỳ và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống đo đếm điện năng năm 2025”	100%
185	184/NQ-HĐQT	04/12/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Tư vấn pháp lý bảo vệ quyền lợi ích của Chủ đầu tư giải quyết tranh chấp Hợp đồng số 368/DHD- CC47 tại VIAC	100%
186	185/NQ-HĐQT	04/12/2024	Về việc thông qua tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2024	100%
187	186/NQ-HĐQT	05/12/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 12 năm 2024	100%
188	187/NQ-HĐQT	06/12/2024	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các Gói thầu Phòng cháy chữa cháy khu vực Đa Nhim - Sông Pha	100%



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
189	188/NQ-HĐQT	10/12/2024	Về việc thông qua Hướng dẫn công tác cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
190	189/QĐ-HĐQT	12/12/2024	Về việc ban hành Hướng dẫn về công tác cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
191	190/NQ-HĐQT	12/12/2024	Về việc thông qua dự toán Gói thầu số 02-HH-KH-CB-2024: Cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy khu vực Đa Nhim - Sông Pha	100%
192	191/NQ-HĐQT	16/12/2024	Về việc thông qua tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2024	100%
193	192/NQ-HĐQT	17/12/2024	Về việc thông qua dự thảo Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 110/2024/HĐ TĐĐHĐ-AT-LA để thực hiện gói thầu Trang bị Máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm	100%
194	193/NQ-HĐQT	19/12/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Danh mục Tổ máy H1 Đa Mi, Hạng mục Hệ thống báo cháy và chữa cháy máy phát H1	100%
195	194/NQ-HĐQT	19/12/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Danh mục Tổ máy H2 Đa Mi, Hạng mục Hệ thống báo cháy và chữa cháy máy phát H2	100%
196	195/NQ-HĐQT	20/12/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu số 09MSHH-SCL-2024: Cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị cho hệ thống kích từ tổ máy H1 và H2 Đa Mi	100%
197	196/NQ-HĐQT	20/12/2024	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Danh mục: Trạm phân phối điện Nhà máy Thủy điện Đa Mi, Hạng mục: Hệ thống rơ le bảo vệ phát tuyến 272	100%
198	197/NQ-HĐQT	23/12/2024	thông qua chủ trương kiện toàn các chức danh cán bộ quản lý phòng, phân xưởng trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
199	198/NQ-HĐQT	25/12/2024	Thông qua dự thảo Phụ lục hợp đồng Gói thầu số 29TV-SXKD-2024 “Tư vấn lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở sản xuất (các Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận, Đa Mi, Điện mặt trời Đa Mi; Nhà máy Thủy điện Đa Nhim, Sông Pha và Đa Nhim mở rộng)”	100%
200	199/NQ-HĐQT	25/12/2024	Thông qua dự thảo Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 115/2024/HĐ-TĐĐHĐ-TNĐMN về việc Kiểm định định kỳ và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống đo đếm điện năng năm 2024	100%
201	200/QĐ-HĐQT	25/12/2024	Về việc thành lập Tổ thẩm định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị	100%
202	201/NQ-HĐQT	25/12/2024	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 02-HH-KHCB-2024: Cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy khu vực Đa Nhim - Sông Pha	100%
203	202/NQ-HĐQT	26/12/2024	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 12 năm 2024 (lần 2)	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
204	203/NQ-HĐQT	27/12/2024	Về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2024	100%
205	204/QĐ-HĐQT	27/12/2024	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự hoàn thành Hạng mục mua sắm Tài sản cố định Máy rửa chén công nghiệp	100%
206	205/QĐ-HĐQT	27/12/2024	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự hoàn thành Hạng mục mua sắm tài sản cố định Hệ thống cảnh báo lũ hạ du hồ Đơn Dương	100%
207	206/QĐ-HĐQT	30/12/2024	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự hoàn thành Hạng mục mua sắm Tài sản cố định Hệ thống cảnh báo lũ hạ du hồ Hàm Thuận	100%
208	207/NQ-HĐQT	30/12/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng Gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo vệ an ninh trật tự và an toàn năm 2025 - 2026	100%
209	208/NQ-HĐQT	30/12/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và dự thảo hợp đồng Gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2025	100%
210	209/NQ-HĐQT	30/12/2024	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng Gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi năm 2025	100%
211	210/QĐ-HĐQT	31/12/2024	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự hoàn thành Hạng mục mua sắm tài sản cố định Hệ thống thiết bị hội nghị truyền hình các phòng họp tại Công ty	100%
212	211/QĐ-HĐQT	31/12/2024	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự hoàn thành Hạng mục mua sắm Tài sản cố định Xe ô tô chữa cháy	100%
213	212/NQ-HĐQT	31/12/2024	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền đợt 2	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP, HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ông Lê Văn Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chứng chỉ hoàn thành Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các công ty đại chúng do Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán - Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09 tháng 10 năm 2023.





## 02 BAN KIỂM SOÁT

### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban	0	0%
2	Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên	0	0%
3	Ông Đặng Văn Minh	Thành viên	0	0%

(\*) SLCP sở hữu tính tại ngày 31/12/2024

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Về hoạt động kiểm soát: Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện công tác kiểm soát thường xuyên và định kỳ đầy đủ theo kế hoạch với tinh thần làm việc trung thực, cẩn trọng, khách quan, vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- Về kết quả các cuộc họp Ban kiểm soát: Trong năm 2024 Ban kiểm soát đã tiến hành họp 04 lần để thống nhất các kết quả các đợt kiểm soát, thẩm tra báo cáo quyết toán quỹ tiền lương năm 2024 của Công ty và các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Kết quả các cuộc họp của Ban kiểm soát như sau:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Đinh Hải Ninh - Trưởng ban BKS	4/4	100%	100%
2	Ông Phạm Viết Kỳ - Thành viên BKS	4/4	100%	100%
3	Ông Đặng Văn Minh - Thành viên BKS	4/4	100%	100%

### NỘI DUNG CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Nội dung	Ngày	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Cuộc họp 1	09/8/2024	Thống nhất kết quả kiểm soát đợt 1 năm tài chính 2024	Nhất trí 100%
2	Cuộc họp 2	20/12/2024	Thống nhất kết quả kiểm soát đợt 2 năm tài chính 2024	Nhất trí 100%
3	Cuộc họp 3	20/3/2024	Thống nhất kết quả thẩm định quỹ tiền lương năm 2024	Nhất trí 100%
4	Cuộc họp 4	21/3/2024	Thống nhất kết quả kiểm soát đợt 3 năm tài chính 2024	Nhất trí 100%

### PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban kiểm soát đã có sự phối hợp tốt, chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong công tác kiểm soát theo đúng quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

### PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và kế hoạch Công ty năm 2025, Ban kiểm soát đề ra phương hướng hoạt động như sau:

- Tiếp tục triển khai các công tác kiểm soát định kỳ và đột xuất theo chương trình, kế hoạch đề ra và thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát các hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Giám sát việc chấp hành Quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Quy chế, Quy định, Nghị quyết, Quyết định, v.v.. trong các hoạt động của Công ty.
- Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2025; giám sát và đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, tài chính, việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Thẩm tra báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh; giám sát, đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban điều hành.
- Giám sát việc công bố thông tin, đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho cổ đông và các bên có liên quan.
- Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề khi có ý kiến yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.





# 03 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TGD

## LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị, thù lao Ban kiểm soát và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập, thù lao, lương, thưởng	
			Năm 2023	Năm 2024
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc				
1	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	1.149.029.000	984.812.712
2	Ông Đặng Văn Cường	Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng Quản trị	1.105.560.000	947.482.572
3	Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng Quản trị	983.904.500	843.700.632
4	Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	983.904.500	843.700.632
Ban kiểm soát				
1	Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng BKS	187.647.000	168.910.272
2	Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên BKS	899.143.000	764.195.640
3	Ông Đặng Văn Minh	Thành viên BKS	179.829.000	161.872.344
Người quản lý khác				
1	Bà Phạm Thị Hồng Hà	Kế toán trưởng	901.343.000	743.784.000

Thu nhập khác ngoài lương của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Thu nhập khác ngoài lương	
		Năm 2023	Năm 2024
1	Tiền thưởng và phúc lợi khác	685.506.000	744.725.125

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không phát sinh

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Năm 2024, có phát sinh các Hợp đồng giữa Công ty với Công ty con là Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha như sau:

- Hợp đồng cung cấp nhân sự vận hành Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 2 năm 2024, giá trị sau thuế là 959.575.680 đồng.
- Hợp đồng cho thuê Văn phòng làm việc tại khu nhà trực vận hành và sửa chữa Nhà máy Thủy điện Đa Nhim năm 2024, giá trị sau thuế là 52.800.000 đồng.
- Hợp đồng kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H3 Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 năm 2024, giá trị sau thuế là 239.063.400 đồng.
- Hợp đồng kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H6 Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 2 năm 2024, giá trị sau thuế là 286.994.880 đồng.
- Hợp đồng kiểm định định kỳ thiết bị trạm 110kV Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 năm 2024, giá trị sau thuế là 194.769.360 đồng.

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN NĂM 2024

Không phát sinh

## ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn coi trọng và tự ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác liên quan về quản trị công ty đại chúng. Để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty, Công ty đã áp dụng các giải pháp và kế hoạch như sau:

- Tiếp tục xây dựng và nâng cấp website công ty để cập nhật, công bố thông tin đầy đủ và kịp thời đến cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư, nhằm giúp tăng tính minh bạch, đồng thời cải thiện hình ảnh và đánh giá của công ty trên thị trường.
- Để đảm bảo tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin đối với nhà đầu tư, Công ty duy trì tuân thủ các quy định về công bố thông tin với UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Website theo đúng quy định của Pháp luật để cung cấp thông tin đầy đủ cho nhà đầu tư.
- Tiếp tục xây dựng các kế hoạch kế nhiệm, các chương trình định hướng và đào tạo cho các thành viên HĐQT và Ban điều hành, các vị trí lãnh đạo chủ chốt khác, nhằm tăng cường năng lực quản trị và tạo ra một đội ngũ lãnh đạo có khả năng đáp ứng các thách thức trong quá trình hoạt động của công ty.
- Cập nhật thường xuyên các kiến thức, thông lệ quốc tế về Quản trị Công ty trong và ngoài nước để cải thiện chuẩn mực và thực tiễn thực hành quản trị của Công ty.



# 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán (Hợp nhất)





**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024





THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cho công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng Ban
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Văn Cường, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 42

11802  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
& YOUNG  
VIỆT NAM  
HỒC

11802  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
& YOUNG  
VIỆT NAM  
HỒC



## Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

  
Đặng Văn Cường  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3624 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 13682981/68434638-HN

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") và công ty con, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 29, Công ty có một dự án điện mặt trời đang được Tập đoàn Điện lực Việt Nam rà soát lại các điều kiện hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích. Theo đó giá bán điện mà Công ty đang được áp dụng tại dự án này có thể bị ảnh hưởng. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

#### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2024.

#### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Mạnh Hùng  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1



Nguyễn Quý Mạnh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4482-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.457.645.874.852</b>	<b>2.077.658.879.921</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>604.583.867.007</b>	<b>536.186.291.363</b>
111	1. Tiền		9.934.550.077	7.336.359.863
112	2. Các khoản tương đương tiền		594.649.316.930	528.849.931.500
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>930.200.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	930.200.000.000	70.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>908.079.273.402</b>	<b>1.428.124.971.078</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	871.600.090.421	1.180.980.900.187
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.569.016.294	4.562.967.122
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	27	-	200.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	33.247.789.720	44.601.317.464
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(2.337.623.033)	(2.020.213.695)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>14.410.440.031</b>	<b>37.491.425.648</b>
141	1. Hàng tồn kho		14.410.440.031	37.491.425.648
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>372.294.412</b>	<b>5.856.191.832</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		372.294.412	606.363.869
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	5.249.827.963

CỔ ĐƠN NGƯỜI VIẾT

1802-  
IG TY  
HỆM HỮU  
& YON  
T NÀP  
P. HỒC



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.020.114.791.568</b>	<b>5.941.470.949.131</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>599.932.824.894</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	27	-	599.932.824.894
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>4.653.179.202.713</b>	<b>4.933.484.262.836</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.652.918.029.551	4.932.820.455.298
222	Nguyên giá		15.488.065.013.130	15.381.420.021.833
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.835.146.983.579)	(10.448.599.566.535)
227	2. Tài sản cố định vô hình		261.173.162	663.807.538
228	Nguyên giá		2.335.628.057	2.335.628.057
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.074.454.895)	(1.671.820.519)
240	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>12.032.167.083</b>	<b>100.596.498.555</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	12.032.167.083	100.596.498.555
250	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	12	<b>250.975.979.980</b>	<b>211.131.850.077</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		143.615.979.980	143.771.850.077
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.360.000.000	37.360.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		70.000.000.000	30.000.000.000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>103.927.441.792</b>	<b>96.325.512.769</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	30.060.428.550	39.369.645.676
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9	73.867.013.242	56.955.867.093
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>7.477.760.666.420</b>	<b>8.019.129.829.052</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.212.493.304.552</b>	<b>2.735.990.711.823</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>935.126.828.876</b>	<b>1.328.584.847.404</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	72.932.339.765	146.095.934.134
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		574.703.982	240.636.582
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	176.851.612.970	135.586.722.201
314	4. Phải trả người lao động		26.256.092.216	37.294.280.150
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	11.223.292.743	13.281.341.092
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	508.665.171.333	845.540.888.494
320	7. Vay ngắn hạn	18	115.493.643.244	130.389.844.451
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	23.129.972.623	20.155.200.300
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.277.366.475.676</b>	<b>1.407.405.864.419</b>
338	1. Vay dài hạn	18	1.277.366.475.676	1.407.405.864.419
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>5.265.267.361.868</b>	<b>5.283.139.117.229</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>5.265.267.361.868</b>	<b>5.283.139.117.229</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		501.180.626.722	500.620.626.722
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		483.560.619.194	500.485.070.048
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		87.681.439.639	51.400.268.411
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		395.879.179.555	449.084.801.637
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		56.526.115.952	58.033.420.459
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>7.477.760.666.420</b>	<b>8.019.129.829.052</b>

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

12/

Lê Đăng Hoàng Phương  
Người lập biểu

12/

Lê Xuân Phong  
Phó trưởng phòng Tài chính và Kế toán



Đặng Văn Cường  
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.080.599.352.666	2.372.957.441.096
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.080.599.352.666	2.372.957.441.096
11	4. Giá vốn hàng bán dịch vụ cung cấp	22	(993.655.561.349)	(1.004.463.840.352)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.086.943.791.317	1.368.493.600.744
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	111.263.671.117	150.027.528.927
22	7. Chi phí tài chính	23	(46.099.610.183)	(60.473.976.086)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(45.823.836.942)	(58.729.852.906)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	12	29.843.029.903	20.383.134.950
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(78.383.273.196)	(89.156.961.632)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.103.567.608.958	1.389.273.326.903
31	11. Thu nhập khác		1.625.182.877	75.303.511
32	12. Chi phí khác		(338.514.701)	(72.831.006)
40	13. Lợi nhuận khác		1.286.668.176	2.472.505
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.104.854.277.134	1.389.275.799.408
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(198.580.691.249)	(260.077.513.434)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		906.273.585.885	1.129.198.285.974
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		902.759.179.555	1.123.173.498.184
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		3.514.406.330	6.024.787.790
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	2.137	2.533
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

  
Lê Đặng Hoàng Phương  
Người lập biểu

  
Lê Xuân Phong  
Phó Trưởng phòng Tài chính và Kế toán

  
Đặng Văn Cường  
Tổng Giám đốc





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	Lợi nhuận trước thuế		1.104.854.277.134	1.389.275.799.408
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		386.950.051.420	377.150.438.511
03	Các khoản dự phòng		317.409.338	93.295.585
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(25.993.614.572)	(24.661.703.217)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(110.050.325.526)	(133.226.493.159)
06	Chi phí lãi vay	24	45.823.836.942	58.729.852.906
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.401.901.634.736	1.667.361.190.034
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		344.858.627.212	(661.224.774.417)
10	Giảm hàng tồn kho		6.169.839.468	2.604.095.302
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		7.386.522.601	(68.951.483.588)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		9.543.286.583	(10.960.659.551)
14	Tiền lãi vay đã trả		(48.456.435.291)	(59.333.213.769)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(171.051.772.541)	(242.444.687.961)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(50.450.568.922)	(48.819.069.037)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.499.901.133.846	578.231.397.013
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(94.180.092.431)	(26.891.035.150)
23	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác		(970.200.000.000)	(100.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		869.932.824.894	402.980.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức lợi nhuận được chia		90.325.684.713	135.509.044.545
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(104.121.582.824)	411.598.009.395

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	Tiền trả nợ gốc vay		(118.947.483.835)	(221.295.679.292)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(1.208.440.000.000)	(1.440.960.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.327.387.483.835)	(1.662.255.679.292)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		68.392.067.187	(672.426.272.884)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		536.186.291.363	1.208.606.920.989
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.508.457	5.643.258
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	604.583.867.007	536.186.291.363

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

  
Lê Đăng Hoàng Phương  
Người lập biểu

  
Lê Xuân Phong  
Phó Trưởng phòng Tài chính và Kế toán

  
Đặng Văn Cường  
Tổng Giám đốc





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cho công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 240 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 246 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1 công ty con), trong đó:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Ha Sông Pha	70%	70%	Thôn Lâm Hòa, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh điện năng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và công ty con là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	8 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư

*Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cân trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hoặc phân bổ tối đa không quá 3 năm.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.15 Vốn góp của chủ sở hữu**

*Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên đối chiếu và xác nhận sản lượng đầu ra hàng tháng giữa bên mua và bên bán, với giá được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

*Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và công ty con được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	755.375.069	238.629.332
Tiền gửi ngân hàng	9.179.175.008	7.097.730.531
Các khoản tương đương tiền (*)	594.649.316.930	528.849.931.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>604.583.867.007</b>	<b>536.186.291.363</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tuần đến 1 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,2%/năm đến 2,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: kỳ hạn từ 1 tuần đến 2 tháng với lãi suất từ 0,2%/năm – 3,7%/năm). Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bảo Lộc với số tiền 70.000.000.000 đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,7%/năm). Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bảo Lộc với số tiền 200.000.000.000 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	868.789.206.454	1.177.431.579.895
Phải thu từ khách hàng khác	2.810.883.967	3.549.320.292
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>871.600.090.421</b>	<b>1.180.980.900.187</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.337.623.033)	(2.020.213.695)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi, cho vay	21.271.964.822	37.916.738.857
Cổ tức được chia	11.929.534.500	5.403.149.555
Khác	46.290.398	1.281.429.052
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.247.789.720</b>	<b>44.601.317.464</b>
Trong đó:		
Phải thu khách hàng khác	21.318.255.220	1.977.734.806
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	11.929.534.500	42.623.582.658

8. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Hòa Xuân VNECO	1.543.893.615	240.636.582	1.543.893.615	240.636.582
Công ty Cổ phần Đầu tư HDP Tân Lộc	662.843.322	262.843.322	862.843.322	471.421.660
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Damb'ri	465.050.000	-	465.050.000	139.515.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Liên	338.632.000	169.316.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	-	-	440.943.600	440.943.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.010.418.937</b>	<b>672.795.904</b>	<b>3.312.730.537</b>	<b>1.292.516.842</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công cụ, dụng cụ	13.911.572.569	-	37.148.762.358	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	498.867.462	-	342.663.290	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.410.440.031</b>	<b>-</b>	<b>37.491.425.648</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	73.867.013.242	-	56.955.867.093	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>73.867.013.242</b>	<b>-</b>	<b>56.955.867.093</b>	<b>-</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	9.318.754.232.537	5.925.316.334.686	79.348.569.020	57.783.505.083	217.380.507	15.381.420.021.833
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.462.256.776	102.313.205.918	2.549.574.074	319.954.529	-	106.644.991.297
Số cuối năm	9.320.216.489.313	6.027.629.540.604	81.898.143.094	58.103.459.612	217.380.507	15.488.065.013.130
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	1.396.933.426.336	2.373.856.749.292	48.530.758.555	50.230.050.464	217.380.507	3.869.768.365.154
<b>Giá trị Khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	5.517.832.200.871	4.816.582.669.083	61.945.070.199	52.022.245.875	217.380.507	10.448.599.566.535
- Khấu hao trong năm	205.575.468.814	174.989.184.311	3.825.986.976	2.156.776.943	-	386.547.417.044
Số cuối năm	5.723.407.669.685	4.991.571.853.394	65.771.057.175	54.179.022.818	217.380.507	10.835.146.983.579
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	3.800.922.031.666	1.108.733.665.603	17.403.498.821	5.761.259.208	-	4.932.820.455.298
Số cuối năm	3.596.808.819.628	1.036.057.687.210	16.127.085.919	3.924.436.794	-	4.652.918.029.551

Một số tài sản cố định hữu hình đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

11/7/2025  
RAC  
RN  
V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	8.812.074.273	99.943.996.273
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.818.281.437	250.390.909
Các công trình khác	401.811.373	402.111.373
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.032.167.083</b>	<b>100.596.498.555</b>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.1)	143.615.979.980	-	143.771.850.077	-
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.2)	37.360.000.000	-	37.360.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12.3)	70.000.000.000	-	30.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>250.975.979.980</b>	<b>-</b>	<b>211.131.850.077</b>	<b>-</b>

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một công ty liên kết, như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng	20%	20%

11/7/2025  
RAC  
RN  
V



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong năm hiện tại như sau:

	Đơn vị tính: VND
	Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình
<b>Giá trị đầu tư:</b>	
Số đầu năm	100.079.200.000
Số cuối năm	100.079.200.000
<b>Phân lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:</b>	
Số đầu năm	43.692.650.077
- Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	29.843.029.903
- Cổ tức được chia trong năm	(29.998.900.000)
Số cuối năm	43.536.779.980
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	143.771.850.077
Số cuối năm	143.615.979.980

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo kết luận thanh tra về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh ("Thông báo"), trong đó có nêu một số vi phạm của dự án Nhà máy Điện Gió Phú Lạc – Giai đoạn 2 ("Dự án") của Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình ("Công ty Thuận Bình"). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Thuận Bình vẫn chưa nhận được văn bản chính thức nào từ các cơ quan có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là không trọng yếu và sẽ tiếp tục cập nhật với các bên hữu quan khi có hướng dẫn từ các cơ quan chức năng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Đơn vị tính: VND							
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	24.560.000.000	133.115.200.000	3,27	3,27	24.560.000.000	149.328.095.100	3,27	3,27
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	12.800.000.000	63.744.000.000	1,03	1,03	12.800.000.000	73.984.000.000	1,03	1,03
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.360.000.000</b>	<b>196.859.200.000</b>			<b>37.360.000.000</b>	<b>223.312.095.100</b>		

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch của cổ phiếu của các công ty này tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên sàn UPCOM.

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,9%/năm).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	372.294.412	606.363.869
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>372.294.412</b>	<b>606.363.869</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	18.966.113.400	30.162.646.165
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.628.247.937	6.042.849.829
Khác	7.466.067.213	3.164.149.682
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.060.428.550</b>	<b>39.369.645.676</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÀN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà cung cấp	65.931.587.445	65.931.587.445	140.289.118.056	140.289.118.056
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	15.792.020.817	15.792.020.817	15.904.458.596	15.904.458.596
- Nippon Koei Ltd	10.792.730.043	10.792.730.043	11.472.821.122	11.472.821.122
- Công ty TNHH Nippon Koei Việt Nam International	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480
- Khác	29.499.318.105	29.499.318.105	103.064.319.858	103.064.319.858
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	7.000.752.320	7.000.752.320	5.806.816.078	5.806.816.078
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>72.932.339.765</b>	<b>72.932.339.765</b>	<b>146.095.934.134</b>	<b>146.095.934.134</b>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	924.278.523	166.561.773.012	(158.099.490.189)	9.386.561.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.076.685.896	198.580.691.249	(171.051.772.541)	111.605.604.604
Thuế thu nhập cá nhân	1.009.235.975	18.129.813.097	(15.755.599.406)	3.383.449.666
Thuế tài nguyên	21.459.066.723	276.658.421.329	(273.934.189.390)	24.183.298.662
Phí dịch vụ môi trường rừng	28.117.455.084	98.924.663.604	(98.749.419.996)	28.292.698.692
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>135.586.722.201</b>	<b>758.855.362.291</b>	<b>(717.590.471.522)</b>	<b>176.851.612.970</b>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	10.648.742.743	13.281.341.092
Khác	574.550.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.223.292.743</b>	<b>13.281.341.092</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	507.080.000.000	844.800.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.585.171.333	740.888.494
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>508.665.171.333</b>	<b>845.540.888.494</b>
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác	1.244.229.729	852.284.977
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	507.420.941.604	844.688.603.517



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Số đầu năm
						Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn đến hạn trả						
(Thuyết minh số 18.1)	130.389.844.451	130.389.844.451	105.017.223.773	(118.947.483.835)	(965.941.145)	115.493.643.244
TỔNG CỘNG	130.389.844.451	130.389.844.451	105.017.223.773	(118.947.483.835)	(965.941.145)	115.493.643.244
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	1.407.405.864.419	1.407.405.864.419	-	(105.017.223.773)	(25.022.164.970)	1.277.366.475.676
(Thuyết minh số 18.1)	1.407.405.864.419	1.407.405.864.419	-	(105.017.223.773)	(25.022.164.970)	1.277.366.475.676
TỔNG CỘNG	1.537.795.708.870	1.537.795.708.870	105.017.223.773	(223.984.707.608)	(25.988.106.115)	1.392.860.118.920

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay dài hạn

Đối tượng	Số cuối năm		Lãi suất/năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	722.601.561.428	4.302.736.462 JPY	1,11% - 1,6%	Đáo hạn vào ngày 20 tháng 1 năm 2039. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản hiện hữu của Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 160MW và Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 80 MW của Công ty.
					Khoản vay được bảo lãnh trả nợ vay bởi Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty mẹ của Công ty.
Ngân hàng Phát triển Châu Á	481.134.457.328	18.830.357 USD	Lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng công biên độ từ 2,5%. Lãi suất áp dụng trong năm là 2,5% - 5,4%	Đáo hạn vào ngày 15 tháng 9 năm 2034. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Các khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam như trình bày ở Thuyết minh số 4 và số 5. Tài sản có định là các tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi.
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ("Ngân hàng NN&PTNT")	189.124.100.164	189.124.100.164 VND	Lãi suất được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ 2,5%/năm. Lãi suất áp dụng trong năm là 6,7%.	Đáo hạn vào ngày 23 tháng 4 năm 2034. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Tài sản hình thành từ vốn vay của Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.392.860.118.920</b>				
Trong đó:					
- Vay dài hạn đến hạn trả	115.493.643.244				
- Vay dài hạn	1.277.366.475.676				



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

(ii) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 177/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2024 với tỉ lệ 12% mệnh giá cổ phần (1.200 VND/cổ phần).

## B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

## 19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty phát điện 1	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-
Các cổ đông khác	2.969.000.000	2.969.000.000	-	2.969.000.000	2.969.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.224.000.000.000</b>	<b>4.224.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.224.000.000.000</b>	<b>4.224.000.000.000</b>	<b>-</b>

### 19.3 Cơ tấp

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>	<b>865.920.000.000</b>	<b>2.280.960.000.000</b>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Tam ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2024:		
1.200 VND/cổ phiếu	506.880.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 850 VND/cổ phiếu	359.040.000.000	-
Tam ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2023:		
2.000 VND/cổ phiếu	-	844.800.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2022: 3.400 VND/cổ phiếu	-	1.436.160.000.000
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>	<b>1.203.840.000.000</b>	<b>1.436.160.000.000</b>
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 2.850 VND/cổ phiếu	1.203.840.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2022: 3.400 VND/cổ phiếu	-	1.436.160.000.000
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12</b>	<b>84.480.000.000</b>	<b>168.960.000.000</b>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	84.480.000.000	168.960.000.000

### 19.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>422.400.000</b>	<b>422.400.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>422.400.000</b>	<b>422.400.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>422.400.000</b>	<b>422.400.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000

Mệnh giá cổ phiếu lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	20.155.200.300	15.797.059.337
Trích lập thêm trong năm	53.425.341.245	53.177.210.000
Sử dụng trong năm	(50.450.568.922)	(48.819.069.037)
Số cuối năm	23.129.972.623	20.155.200.300

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu phát điện và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.080.599.352.666</b>	<b>2.372.957.441.096</b>
Trong đó:		
Doanh thu phát điện	2.078.244.088.468	2.369.805.790.864
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.355.264.198	3.151.650.232
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.080.599.352.666</b>	<b>2.372.957.441.096</b>
Trong đó:		
Doanh thu với bên khác	2.355.264.198	3.151.650.232
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.078.244.088.468	2.369.805.790.864

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.726.182.382	91.203.863.224
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.481.113.241	31.638.551.838
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.056.375.494	27.185.113.865
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>111.263.671.117</b>	<b>150.027.528.927</b>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	991.835.094.395	1.001.758.715.489
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.820.466.954	2.705.124.863
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>993.655.561.349</b>	<b>1.004.463.840.352</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	45.823.836.942	58.729.852.906
Khác	275.773.241	1.744.123.180
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.099.610.183</b>	<b>60.473.976.086</b>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	43.102.944.058	50.094.685.058
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.666.611.069	1.551.744.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.800.029.838	9.454.792.308
Chi phí khác	22.813.688.231	28.055.739.963
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.383.273.196</b>	<b>89.156.961.632</b>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	128.776.227.752	137.169.394.964
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	386.950.051.420	377.150.438.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.992.703.374	65.774.786.170
Chi phí khác bằng tiền	501.476.056.171	513.400.702.144
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.072.195.038.717</b>	<b>1.093.495.321.789</b>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% (năm 2023: 20%) cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trừ ưu đãi thuế cho hoạt động kinh doanh sản xuất điện năng tại các dự án sau:

- Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim: miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 10%.
- Dự án Điện mặt trời Đa Mi: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.
- Dự án Thủy điện Ha Sông Pha giai đoạn 1: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu (năm 2015), miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2019). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

- Dự án Thủy điện Ha Sông Pha giai đoạn 2: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu (năm 2019), miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	198.580.691.249	260.077.513.434
	<b>198.580.691.249</b>	<b>260.077.513.434</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.104.854.277.134	1.389.275.799.408
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	220.970.855.427	277.855.159.882
Các khoản điều chỉnh (giảm)/tăng:		
Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.831.224.703)	(7.933.331.313)
Cổ tức được nhận trong năm	(5.096.222.648)	(6.327.678.997)
Chi phí không được khấu trừ	505.889.154	483.527.573
Thuế TNDN nộp bổ sung của các năm trước	-	109.363.279
Lãi được chia từ công ty liên kết	(5.968.605.980)	(4.109.526.990)
Chi phí thuế TNDN	<b>198.580.691.250</b>	<b>260.077.513.434</b>

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty mẹ
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Đại Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	4.143.032.782	5.436.994.559
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Doanh thu về phát điện	73.791.480.827	85.837.992.591
Tổng Công ty Phát điện 1	Chi trả cổ tức	1.202.993.835.000	844.206.200.000
	Chia cổ tức	865.311.355.000	2.279.356.740.000
	Thu tiền cho vay	799.932.824.894	-
	Lãi cho vay	28.539.825.564	71.154.024.775
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu về phát điện	2.004.452.607.641	2.283.967.798.273
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cổ tức được chia	18.025.113.241	24.668.794.985
	Nhận cổ tức	22.138.728.296	19.265.645.430
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cổ tức được chia	6.816.000.000	6.969.600.000
	Cổ tức đã nhận	6.816.000.000	6.969.600.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và công ty con chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</b>			
Công ty Mua bán điện - Bán điện		857.336.249.992	1.167.567.968.808
Tập đoàn Điện lực Việt Nam			
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Bán điện	11.452.956.462	9.863.611.087
<b>TOTAL</b>		<b>868.789.206.454</b>	<b>1.177.431.579.895</b>
<b>Phải thu về cho vay (Chỉ tiêu số 135 và 215)</b>			
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải thu cho vay ngắn hạn	-	200.000.000.000
	Phải thu cho vay dài hạn	-	599.932.824.894
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>-</b>	<b>799.932.824.894</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</b>			
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Cổ tức được chia	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cổ tức được chia	1.289.534.500	5.403.149.555
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cổ tức được chia	640.000.000	-
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải thu lãi cho vay	-	37.220.433.103
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>11.929.534.500</b>	<b>42.623.582.658</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</b>			
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Phải trả phí tư vấn, khảo sát	4.438.908.000	4.745.613.171
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Phải trả phí tư vấn, khảo sát	2.561.844.320	1.061.202.907
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>7.000.752.320</b>	<b>5.806.816.078</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)</b>			
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải trả cổ tức và thu hộ chỉ hộ	506.972.330.802	844.208.640.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	448.610.802	479.963.517
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>507.420.941.604</b>	<b>844.688.603.517</b>
<b>Các giao dịch với các bên liên quan khác</b>			
Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:			
Đơn vị tính: VND			
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	984.812.712	1.149.029.000
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	947.482.572	1.105.560.000
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	843.700.632	983.904.500
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	843.700.632	983.904.500
Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban kiểm soát	168.910.272	187.647.000
Ông Nguyễn Đăng Dung	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)	-	79.269.702
Ông Phạm Việt Kỳ	Thành viên ban kiểm soát chuyên trách	764.195.640	899.143.000
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên ban kiểm soát	161.872.344	179.829.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.714.674.804</b>	<b>5.568.286.702</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	902.759.179.555	1.123.173.498.184
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(53.203.630.409)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>902.759.179.555</b>	<b>1.069.969.867.775</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	422.400.000	422.400.000
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>422.400.000</b>	<b>422.400.000</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	2.137	2.533
- Lãi suy giảm	2.137	2.533

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 617/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Công ty.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được điều chỉnh phân trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

29. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TANG

Các cam thuê hoạt động

Công ty và công ty con đã ký kết một số hợp đồng thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.182.557.761	3.182.557.760
Từ 1 - 5 năm	12.730.231.043	12.730.231.043
Trên 5 năm	64.213.137.108	67.516.589.877
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>80.125.925.912</b>	<b>83.429.378.680</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TANG (tiếp theo)

Nghĩa vụ tiềm tàng khác

Công ty đang sở hữu Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi ("Dự án") tại xã La Ngàu, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận. Dự án đã được công nhận ngày vận hành điện thương mại là ngày 4 tháng 6 năm 2019 và được chấp nhận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Theo Báo cáo số 321/BC-BCT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Công Thương về triển khai Nghị quyết của Chính phủ về chủ trương, phương hướng tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo, Dự án của Công ty đã được đề cập trong danh sách 173 nhà máy được công nhận ngày vận hành thương mại và hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích đối với các dự án điện mặt trời khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình xây dựng của chủ đầu tư. Theo Báo cáo số 345/BC-BCT ("Báo cáo") ngày 24/12/2024 gửi đến Bộ Công Thương về kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ về tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang thực hiện rà soát lại các điều kiện hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích với các chủ đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa có cơ sở chắc chắn để đánh giá ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với báo cáo tài chính hợp nhất.

30. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Ban Tổng Giám đốc phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại. Chi tiết các điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: VND				
Mã số	Chi tiêu	Đã được trình bày trước đây	Điều chỉnh	Phân loại lại
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>				
414	Vốn khác của chủ sở hữu	475.444.837.801	(475.444.837.801)	-
418	Quỹ đầu tư phát triển	25.175.788.921	475.444.837.801	500.620.626.722



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Nghị quyết số 212/NQ - HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị quyết số 03/NQ – HĐQT ngày 20 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt thời điểm chốt danh sách cổ đông vào ngày 10 tháng 2 năm 2025 để thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền với số tiền là 84.480.000.000 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện việc tạm ứng cổ tức bằng tiền nêu trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 3 tháng 1 năm 2025

  
Lê Đặng Hoàng Phương  
Người lập biểu

  
Lê Xuân Phong  
Phó Trưởng phòng  
chính và Kế toán

  
Đặng Văn C  
Tổng Giám

11/2/2025  
Y  
004  
001  
M  
13/1





2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

  
  
Đặng Văn Cường



**EVNGENCO1**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN  
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI



80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng



0263 728171



0263 866457



[www.dhd.com.vn](http://www.dhd.com.vn)